

NGUYỄN TUÂN

TÙY BÚT II

*Phu nhân họ Bồ — Chiếc
và - ly mới — Một lần
đi thăm nhau — Một
cái tết vui duyên —
Tựa « Ám Sông Tô »*

LƯƠM LÚA VÀNG

TÙY BÚT II

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

VÀNG BÓNG MỘT TRỜI
NGỌN ĐÈN DẦU LẠC
CHIẾC JLU ĐỒNG MẮT CUA
TÙY BÚT I
MỘT CHUYẾN ĐI
TÓO CHỈ HOÀI

SẼ XUẤT BẢN

THIỀU QUÊ HƯƠNG
NGUYỄN
TÙY BÚT III
AM SÔNG TÔ
YÊU NGÔN

NGUYỄN TUÂN

TÙY BÚT II

Pau Nhân họ Bồ — Chiếc
va ly mới — Một lần
đi thăm nhau — Một
cái tết vô duyên —
Tựa « Ám Sông Tô

LƯƠM LÚA VÀNG
M.QM.XL.III

PHU NHÂN HỌ BỐ

Bồ Phu Nhân có một lối đẹp già dặn
kin đáo. Tất cả vẻ đẹp của Phu Nhân
không dựng lên cái sắc con người mà
lại hám ở cái duyên trong tất cả những
cái gì trên khuôn mặt, ở dáng điệu, ở
khoé mắt, ở đầu lưỡi, càng nhìn lảng
càng muốn xem nghe lại thêm nhiều lần
nữa. Vẻ đẹp Bồ Phu Nhân không có một
chút gì là rực rỡ, quanh năm chỉ lạnh
lẽo và nín thịt như nét trắng tượng đá
chạm chìm. Tiếng mắt Phu Nhân thê lương

như ánh loáng lạnh chất kim mài bóng. Phu Nhân nhìn mà như không trông thấy một vật gì ở trước mắt, ở quanh mình, ở giữa cuộc đời này. Con người ấy, chừng như đã có một ý niệm sáng suốt và táo bạo về cái đẹp quái gở bắt nguồn ngay từ mình mình rồi nên không cần đẽ tìm tìm tòi và cầu cạnh thêm ở cuộc đời chung quanh nữa. Trái hẳn với cặp mắt kia lóng lẫy toàn những kiêu hãnh, tiếng nói Bồ Phu Nhân ấm áp và nhún nhường. Cái thanh âm đó là một thanh âm bõn hậu. Cứ vào cái giọng nói ấy thì Phu Nhân phải là người đã từng nhiều lần nếm tới cái đắng cay và thấy đến cái sỉ nhục của đời sống chúng ta rồi.

Tôi mê Phu Nhân như người ta đắm say với nhân vật trong truyện, như người ta mê mải với màu sắc trên bức họa. Tình yêu của tôi là một thứ tình chỉ có một chiều, có buông ra rất nhiều mà chưa nghĩ tới sự được trả lại lấp mây may. Đây là một thứ tình chìm hằn xuống, lặn hằn vào cả trong.

Những lúc gần Phu Nhân, tôi rất lấy làm khó chịu và rờn rợn vì tia lạnh của đôi mắt khinh bạc và nghiệp chướng. Nhưng mỗi khi Phu Nhân nhếch miệng nói lên thành bắt cứ một chữ một câu gì thì tôi thấy Phu Nhân không còn là một người kiêu hahn nữa. Nếu những tiá sáng lạnh của cặp mắt đứng đong kia đã làm tôi tủi hổ nhiều lần thì lần lúc tôi cũng đã được a i ủi lại bằng cái tiếng nói ấm áp đó. Mỗi lúc bắt gặp Phu Nhân nhìn tôi đè không trông thấy tôi đối diện — với tất cả cái thản nhiên và xa xôi của một tính tự nãu — bất giác tôi có hấn cái cảm tưởng sơ spong, lòng thấy ngài ngai rỗi đậm ra nghi ngờ hết.

Đang Sinh Ra Muôn Loài chúa là hay nghịch-tinh, đến là đứa nhả, nên mới ghép một khuôn miệng ấm áp nói lên toàn những thanh âm hồn hậu, phải trọn đời ở với một cặp mắt chiếu ra rất những kiêu bạc lạnh lùng. Thật vậy, tia lạnh đôi mắt Bồ Phu Nhân hình như chiếu ra không phải là cốt đè cho Phu Nhân nhận kỹ đến mọi biểu diễn của sự sống chung quanh, mà

chỉ là để cho Phu Nhân làm thui hết mọi mầm yêu chớm nhú lên ở các tẩm lòng lân cận. Đây là tất cả một trò thừa trừ tai ngược tình quái của một Đảng Cả Mạnh ngự ở trên đầu chúng ta, lúc nào cũng ý cái quyền mình không bị hạn chế.

Tôi yên lặng mà yêu Bồ Phu Nhân. Mặc sức nước phù sa một con sông không biết mỗi kia tha hồ chảy trôi dưới cầu Bồ Đề. Cái tình của tôi vẫn không vượt qua khỏi độ vẫn vơ để đi tới một cái gì thành sự thực. Bồ Phu Nhân vẫn ghê lạnh mà nhàn nha ở giữa cuộc đời, ở trước mặt tôi, hình như không biết có tôi đeo nặng một thảm kịch, cùng sống chung một thời và một xứ với Phu Nhân nữa.

Hồi ơi !

Bạn thân, đoán đại khái được cái tâm sự của tôi, cho rằng Phu Nhân là một người gan góc, thầm trách Phu Nhân sao không vội vàng và thiết tha hơn lên để đèn bù cho tôi về những chỗ chí tình u àn. « Phu Nhân ơi, cái huy hoàng của bóng nắng chiều chỉ đậu được có trong

giây lát ». Có kẻ khác không bao giờ nghĩ thấu được đến chỗ đau thương của những trạng huống tâm tình bị ép nén và liêm mãi vào bên trong, lại còn bạo miệng cho cái lối yêu không lên tiếng của tôi là khoé mưu thuật của một người phong tình nham hièm, chứa chất mãi tình cảm mình cho dù quá số rồi, trong một lúc bất ngờ, lén hắt vào giữa tấm lòng người ta, trước khi người ta kịp định rõ được một thái độ. Khốn nạn, việc đi tìm một tấm lòng hồn bạn lứa, đi yêu một người trong thế gian, đâu có như là một việc cướp thành lấn bờ cõi mà họ phải nói đến chữ đánh úp. Đối với Bồ Phu Nhân, chưa bao giờ tôi nghĩ tới chuyện chinh phục. Tôi chỉ tưởng tượng tới sự cầu thân của tâm tưởng thôi. Tôi yêu Phu Nhân như người nhạc sĩ tình cờ được nghe trộm một tiếng giai âm thì phải nín hơi cố lắng lấy đè về lúc mai sau khỏi phải oán trách mình đã bỏ phí mất một cơ hội chung dung với vật báu trên đời.

Vậy là tôi cứ yên lặng mà yêu Bồ Phu

Nhân, không cần đến tiếng nói, giấy mực
lời thư và những cử chỉ rất quen thường
của thế tình. Năm thì ba họa đời sống
phiếm đặt cho tôi gần Phu Nhân chốc lát,
thế là đủ rồi. Tôi tưởng ở cuộc đời hiện
tại không ai cầm nồi tôi yêu Bồ Phu Nhân
như thế. Ngay cả đến Phu Nhân nũ'a. Nếu
thực ra tôi đã làm cho đời tình cảm Phu
Nhân phải bận rộn thêm thì tất cả lỗi đó
ở Phu Nhân cả. Chỉ tại Phu Nhân đã
riêng có một lỗi đẹp nó trả lời đúng cho
một cái thắc mắc thầm mỹ ở người tôi.

Lặng lẽ, tôi theo đuổi nhữ'ng tình cảm
dành ủ trong lòng. Cái tình e ấp ngày
thêm liễm mãi vào và hình ảnh Phu Nhân
đã chiếm quá nửa một đời tiềm tàng tôi.

Ấy thế rồi Bồ Phu Nhân qua đời.
Năm chơi ở quê nhà một ông bạn cũng
chạy làng cuộc sống phồn hoa trong ít
độ như tôi, tôi đã đọc cột báo có đoạn
cáo phó do người em ruột Phu Nhân
đứng tên chia buồn. Trời ơi !

Phu Nhân người vốn yêu thương, hay

làm nũng với ngay chính mình, hay thèm khát nhũng trận ốm vặt — nhũng cơn ốm chơi đè hòn mát với cuộc đời mình như thế, Phu Nhân thường gọi là cái phút sa sỉ của người gai nhân phong lưu — và lúc được ốm thật thì lại lén đồ hết xuống gầm giường bệnh nhũng chén thuốc bắc của thân nhân sắc cho. Phu Nhân ít cười. Tôi nhớ đâu chỉ thấy Phu Nhân cười có hai lần ở chỗ đông người. Khi nào phu nhân có điều đau khổ lắm thì Phu Nhân mới chịu cười.

Con người như thế, ở lâu sao được ở cuộc đời này. Tôi không kinh ngạc khi được tin Phu Nhân nằm xuống. Bồ Phu Nhân mất sớm, sau mấy cơn tiếc nhớ, tôi lại còn thành thực mừng thầm cho người bạc mệnh nữa. Có vậy đó. Người đàn bà đẹp chỉ nên chết trẻ. Những trang gai nhân tuyệt thế mà phải sống lâu cho đến bạc đầu thì thực cũng là một điều đại bất hạnh lây cho người đồng thời.

Nhớ lại hồi Phu Nhân còn làm người,
Phu Nhân và tôi chưa làm vào điều
tội lỗi. Trước danh giáo, Phu Nhân vẫn
lành vener. Nhưng vì Phu Nhân mà tôi đã
riêng đặc tội với một ông bạn. Tôi đã phạm
vào cái tội ăn lường tình cảm của ông
ban M. Việc biền thủ tình cảm của người
chung quanh tin mến mình còn nặng gấp
mấy những việc lường gạt tiền bạc.

Đây là những lời thú tội của một bị cáo
nhân không bị truy tố trong một vụ án bối

tín. Nếu những dòng này lại lọt qua dưới mắt ông và bà M. là hai người đã bị thiệt thòi nhiều trong vụ bội tín này — tướng ông bà cũng nên lượng tình cho tôi về chỗ tôi đã buộc lòng phải lạm dụng đến bụng hiếu khách của ông bà, mặc dầu đến bây giờ tôi vẫn không có ý gì ăn năn về những sự trả đũa đã phạm phải.

Từ ngày Bồ Phu Nhân khuất khỏi cõi đời này, tôi không có dịp gặp lại ông bà M. Tôi phải nói là tôi đã không tìm gặp lại ông bà thì đúng hơn. Phu Nhân họ Bồ mất đi rồi, tôi còn gặp lại ông bà nữa thì càng chỉ là một việc xã giao thừa và giả dối vô ích. Đối với tôi, Phu Nhân mất đi, ông bà đã trở nên vô vị.

Đây là những lời thú tội — nhưng không phải là những lời sám hối — viết vào những đêm mùa lạnh năm Rắn và sửa chép lại vào khoảng cuối xuân năm Ngựa. Bồ Phu Nhân đã được chết một cách trong sạch, lúc năm xuống, đời luân lý vẫn toàn vẹn và những ước lệ về danh giáo của xã hội đặt nền vẫn chưa bị Phu

\
Nhân làm thương tồn đến bao giờ.

Lúc sinh thời, Bồ Phu Nhân gặp tôi rất ít. Phu Nhân không tìm tôi bao giờ. Nhưng không phải vì không muốn tìm mà lại có nghĩa là tránh. Có việc gì mà Phu Nhân phải tránh tôi — tôi, một người bạn của Phu Nhân vào những giờ vui cũng như trong những lúc buồn, không bao giờ tôi vô ý đến nỗi đi quá vào cái giới hạn của tâm sự riêng bạn tôi. (Những lúc Phu Nhân thong thả và có chiều hoan hỉ thì tôi càng vun thêm vui vào. Những lúc Phu Nhân khó ở, tôi lại cố tìm những chuyện nhẹ nhàng dễ giải muộn giúp cho người trong cuộc sầu. Tôi chỉ là một người bạn không làm phiền, không đòi hỏi gì ở Phu Nhân, không bao giờ rồn Phu Nhân vào một trường hợp tâm lý cùng tắc, mặc dầu sự thân mật lâu ngày đã cho tôi cái quyền gần buộc ngay tôi vào tình tình Phu Nhân. Tôi không bắt bì Phu Nhân về nhiều điểm của tình cảm và cảnh ngộ. Tôi kính trọng đến cả chỗ

ở riêng của Phu Nhân. Ở đây có vườn quả vườn hoa và vườn rau. Chẳng cứ gì phải được là một nhà tháo mộc học mà tôi mới biết chuộng những nơi có vườn rộng quanh năm giồng giọt trò hoa kết quả như chỗ Phu Nhân ở. Thửa vườn nơi ngoại ô trong ưa mắt lâm. Nếu không vì sự kiêng nè cách dùng ngày giờ riêng của Phu Nhân thì tôi đã xuống chơi thăm vườn luôn luôn. Có thể gọi là hằng ngày được.

Mỗi năm, tôi xuống thăm Phu Nhân dạo vài lần. Mỗi năm Phu Nhân mời tôi xuống chơi dưới vườn thường không bao giờ quá ba lần : vào một ngày rằm tháng giêng đi xem lễ Phật, vào một rằm tháng tám ăn ốc nhìn giảng và vào một ngày tiên thường kỳ giỗ ông cụ Kép sinh ra Phu Nhân. Còn quanh năm, ít khi Phu Nhân ở dưới vườn. Họ nhà Phu Nhân vốn đông và bà con lại ở rải rác ra khắp các tỉnh đường ngoài và vùng trong. Mãi tận vùng cực nam, Phu Nhân cũng có một ông cậu lập nghiệp tại đảo

Phú Qađc, cất nước chấm ở đấy đã được nửa đời người. Cái năm tôi hut mất luôn hai dịp xuống vườn Phu Nhàn như mọi khi Phu Nhàn vẫn mời tôi vào những niên hiệu nhất định ấy — kỳ tết Nguyên Tiêu và kỳ giỗ cụ Kép vào tháng cuối năm — chính là năm Phu Nhàn vào chòi dảo với Ông cậu và lão giỗ luôn cụ Kép ở trong ấy.

Xa Phu Nhàn lâu quá thành thử chẳng chẳng mất một năm kẽm mấy ngày rồi còn gì nữa — nhiều lần tôi đã viết thư về địa chỉ trong ấy, nhưng vì nhiều lẽ, tôi dành giữ lại cho tôi tất cả những nỗi sầu nhớ ký thác lên lũ giấy thư màu tím nhạt.

Ở xa, Phu Nhàn chỉ gửi về có mỗi một lá thư hỏi thăm, nói qua loa về phong cảnh chỗ lạ, lời lẽ rất là lịch sự và ở đoạn cuối tái bút, có những dòng làm cho tôi nghĩ ngợi vô cùng. « Anh không cần phải trả lời tôi. Tôi ở xa chỗ nhà trạm. Ở đây, không một dấu vết gì của đời văn minh có thể chừa. Có được di đến

những vùng này, mới thấu đến cái hay của lời trong cõi thi. *'Triết mai phùng địch sứ...'*

Phu Nhân nói chuyện thật như người của một thời trung cổ. Giữa đời khoa học, ở cái xứ này, làm gì còn có những chuyện khủng hoảng âm tin như nghìn xưa nũ'a. Chẳng qua Phu Nhân không muốn tôi gửi thư theo và sợ tôi mách lòng, nên đã bịa ra một chuyện trăm dịch khó khăn để cho tôi khỏi lấy bút mực đuổi theo một người đi như đi lánh rợ đó thôi. Tôi nghiệp thay cho Phu Nhân.Ời con người đẹp sáng ấy lại có nhiều sự dẫu diễm phiền phúc và nhiều phen chạy trốn cuộc sống rất là vô cớ như thế.

Chờ ngày Phu Nhân lợn về xứ Bắc nhiều lần tôi đã giờ đọc lại những dòng chữ của tôi. Những lá thư không gởi, đem đọc lại, không bao giờ mà lại không hề không ngậm ngùi được.

Bồ Phu Nhân đã trở về Bắc vào đầu mùa thu năm sau để kịp đốt mã cho bà cụ Kép vào dịp tết Trung Nguyên. Tôi vẫn chờ

Phu Nhân cho gọi tôi đến. Một tháng đã đi qua. Hết mất một dịp nâng mừng Phu Nhân một chén rượu rủ bụi đường xa, tôi định ninh rằng tháng tám năm ấy, thế nào tôi cũng được Phu Nhân vời xuống dưới vườn để cùng ngâm một mảnh trăng giữa giờ. Trăng tháng trọng thu hết thượng huyền, đã tròn rồi rơi, đã đến lúc hạ huyền rồi mà tôi vẫn chưa thấy Phu Nhân trở lại với cuộc sống giao tiếp của kinh thành như mọi năm qua. Lòng tôi phẫn惄: hay là khoảnh cổ viễn ấy đã là diễn trường cho một biến cố gì rồi Không, Phu Nhân vẫn mạnh, khỏe, vui tươi và, từ chuyen di chơi xa về ấy, lại như có phần trẻ đẹp hơn trước, nhiều người bảo tôi thế.

Chờ ngày Phu Nhân cho vời tôi xuống vườn, tôi ngày ngày sầu như phiến đá suối ean nhớ một con nước nguồn.

Rồi một hôm, bắt cháp cả ước lệ xã giao từ trước vẫn kiêng dè, tôi đã đi tìm Phu Nhân. Không phải ở dưới vườn riêng. Ở

sân ga Tôi đã đứng đợi phu nhân ở sân ga Hàng Cỏ, một buổi chiều mùa lạnh tàu tốc hành sắp chạy vào các tỉnh miền Nam. Nhân tôi được biết Bộ Phu Nhân có một chỗ ơn tình nặng — Ông M. — ngày hôm ấy phải lên đường trầy vớ Kinh cung chức và thè nào Phu Nhân cũng phải đi tiễn Ông M. Tôi bèn ra ga rất sớm.

Ông M. đã có mặt ở đấy, bên một đoàn toa xe chưa mắc đầu máy. Ông M. tưởng tôi ra tiễn ông, vội chạy lại cầm tay tôi. Cả người Ông lúc này là hiện thân của cảm động Ông luôn miệng cảm ơn tôi. Ông vẫn vã. Ông hứa sẽ gửi các-bốt-tan về cho tôi và buộc tôi phải hứa lại với Ông là sao sao tôi cũng phải vào chơi với Ông và gắng ở lại chơi cho rõ thật lâu.

« — Ở trong ấy, phong cảnh đẹp, đàn bà đẹp và bầu trời lúc nào cũng có tiếng đàn hát Ông à. Thè nào Ông cũng vào nhá. Nhà tôi sẽ lánh nhà của Ông » Ông vừa nói vừa rút thiếp để thêm địa chỉ mới của Ông tại Kinh. Lòng tôi trên ngập những

xấu hổ và hực minh. Thấy Ông M. nói chuyện thân mật quá như là dối với người tri kỷ cõi giao, tôi lấy làm ngượng và muốn phát câu nói thẳng cho Ông biết ngay rằng chưa bao giờ tôi được làm một người bạn thân của Ông cả. Nói có bông dội, cái sự tôi được biết Ông M. chỉ là một cái tình xã giao tá ơm xây dựng bắp bênh, trên những cái bắt tay nơi hè đường phố, trên những cốc rượu cao lâu ngồi riêng bàn.

Giá lúc này bắt tay nhau xong rồi, Ông M. thường tha cho tôi, để yên cho tôi được chơi với cảnh sân ga ! Tôi đang bận tâm theo đuổi một cái ý thơ. Tôi đang tìm một cái từ Thoát Ly ngữ trong Xê Dịch mà cái đoàn xe này là tượng trưng.

Đoan tàu vẫn chưa có đầu máy. « - Đì xa nèn ra ga sớm ông ạ. Tôi đã si di được một chỗ ngồi tốt. »

Ông M. nhìn đồng hồ tay thêm : « - Quái nhỉ, những ông bạn tôi sao chưa một ai đến và cả đến nhà tôi cũng chưa thấy ra là làm sao ? »

Bồ Phu Nhân đã tiến lại chỗ chúng tôi, bên cạnh có bà M. Đã hơn một năm không nhìn thấy người cũ, tôi khó giữ được sự tự nhiên trong lòng và trên mặt. Hình như ở người Phu Nhân cũng vậy. Gặp tôi ở đây, cũng dễ tiến ông M. lên đường Bồ Phu Nhân có ý ngạc nhiên — Phu Nhân vốn biết rõ tôi không lấy gì làm thân với ông M. — Rồi nhìn tôi, mỉm cười lấy dâng, Phu Nhân khẽ cúi đầu chào « — Giới chiều nay, sương xuống mau quá, ông Nguyễn nhỉ. »

Tôi nhìn miệng Phu Nhân và cũng lấy luôn câu hỏi ấy mà trả lời « Giới chiều nay sương xuống mau quá », tuy cả một buổi chiều này tôi không biết là có sương hôm nay không nữa. Ngâm kỹ, có như lời mọi người đã nói với tôi, Phu Nhân có đẹp hơn trước, trẻ và vui thêm nữa. Có lẽ đó là ảnh hưởng tốt của một cuộc đời không khí dài hạn rất xa trong gần một năm vừa rồi.

Vừa đứng chịu chuyện vợ chồng ông M. giữa nơi tấp nập, Phu Nhân vừa luô

luôn nhìn sang tôi, cặp mắt như muốn thăm dò một điều gì trên mặt tôi. Quả là một sự thay đổi lớn trong người Phu Nhân : cái đổi mắt trước kia ghê lạnh, giờ không thấy gì là cô đơn vị kỷ nữa và đã biết hỏi han đến những cái gì ở quanh mình. Phu Nhân đã biết đề ý đến những cái gì biếu diễn ở quanh đời Phu Nhân trồi. Tôi ngờ hối gần đây, một việc biến thiện nào đã xảy đến trong cuộc sống tâm tình của Phu Nhân. Biết đâu đấy ? Biết đâu rằng cuộc viễn du lâu gần một năm kia chẳng là để tránh một cảnh nghịch biến trong gia đạo hoặc là để hàn chaña một cái đau khổ vừa xếp thêm vào đời Phu Nhân. Ở ga về, lòng tôi trong buồn nặng hơn nỗi buồn trong cả một năm chờ đợi Phu Nhân đi vắng.

Suốt một tuần lễ, trái với tính cẩn thận mọi ngày hay tới làm việc tại các nhà in, tôi lười biếng đến không còn muốn sửa những chaña bài báo và những kbuôn tra g sách của tôi, mặc kệ cho hiệp thư chử

xếp đặt lộn bậy, tha hồ cho họ lựa chọn mẫu chữ đúc. Nhiều cột báo và trang sách, lúc ráo mực, xem lại đến là nhầm lẫn ngô nghê và xấu vụng. Tôi bức tức buông lời thóa mạ những người thợ xếp chữ một cách vô lý và bất công nũ'a.

Chính vào giũ'a một buổi tối thời như thế của tám tháng, tôi nhận được một lá thư của ông M. ở Kinh gửi ra. Lần đầu tiên tôi được cái hân hạnh nhận mảnh chữ của ông M. Tôi cầm lá thư, có ý tìm chút ít kbiền muộn trong phong thư xa của một người không thân. Nét chữ' ông M. tươi, gọn, thẳng, dẻo, đều, tốt qua chữ viết diễn vào các bảng sắc. Nhưng đây là thư chữ' tốt của một viên chức thám niêm chứ' không phải cái lối chữ' đẹp phóng khoáng tự nhiên của người viết văn làm sách.

Thật là tôi đã không chờ đợi đến nhữ'ng lời lẽ như thế của một bức thư. Ô, Ông M. viết về đề nhất định bảo cho tôi biết rằng, ngoài Bồ Phu Nhân ra, tôi là người thân nhất của Ông trên đời.

Thị ra hôm ông lên đường, ông đã
 oán giận nhũng người bạn đồng liêu
 ông vô cùng. Không một ai ra tiễn !
 « Cái tình liêu bũ'u của con người ta
 ra cũng thất thường thực ông ạ. » Ông M.
 thường lấy làm quan tâm nhất về cái
 chõ tình khứ lưu mõi khi có anh em
 trong sở phải đi hoặc phải về. Ông đã
 nhiều lần làm đầy đủ nhũng phẩn sự ấy
 để với tất cả anh em. Vậy mà xử lại với
 ông, họ đã vô tình, họ đã ngạo慢. Ông
 không thể tha thứ được. Họ đã làm cho ông
 phải tủi bồ đến tận cái chõ sâu bầu
 nhất trong tấm lòng. Năm xu cái vé ra
 cửa ga, đứng một lúc cho cái tàu nó
 chạy đi, thế là xong, chứ nào phải đoán
 định, trường định gì như ngày xưa mà
 sợ. Bốn trang thư rất một giọng phản
 nàn như thế. Tôi càng lấy làm buồn
 hơn, vì đoạn cuối thư : « .. Neden hôm ấy
 mà không có Bồ Phu Nhân và ông ra
 tiễn thì ra ở đời này tôi thành ra người
 không có bạn, ông ạ. Hôm ấy tôi lấy làm
 xấu hổ thăm với nhà tôi quá. Tàu chạy

khỏi chỗ chấn ngang đường sắt Khâm Thiên, tôi khóc. Tôi đã khóc, Ông ạ... Đã làm được người thay ! cái bồ ngoài của nhiều cảnh thế. Tự nhiên vô cớ, từ sau một buổi đưa nhau lếu láo ở sân ga, tôi đã là một người bạn hiền của một người cứ bắt tôi phải như thế. Ông M. lại còn đòi tôi một tấm ảnh. Rồi với một người đang có những ý tưởng chán và đau về tình đời, và đang chân thành cầu thân với tôi, tôi hỏi tôi mãi xem tôi có đủ can đảm định chính ngay về chỗ Ông đã nhầm tôi không ? Và tôi tự vẫn tôi xem — ngay lúc này — có nên thú tội cùng Ông về việc tôi đã mượn cảnh huống phân ly của Ông để chỉ cốt được gần một người bạn gái cho nó thỏa một cái ý hoài vọng riêng của mình. Tôi vẫn chờ một cơ hội tốt để nói hết với Ông M.

Ngày tháng không chờ ai. Đã nửa năm. Rồi tôi lại tiếp ngay đến một bức điện tín của Ông M. báo tin Ông lại được đón về Hà Nội và ngày mai sẽ tới đây.

Tôi lại ra ga. Bồ Phu Nhân cũng đã có sẵn ở sân ga. Tôi đã đoán trúng. Thì ra cũng chỉ vẫn vì Bồ Phu Nhân mà tôi đã ra ga nũ'a dề dòn Ông bạn M. Chuyển xe tốc hành vào ga, chưa dỗ hẳn mà Ông M. đã nhảy tốt xuống, ôm chầm lấy tôi, bá cõi hôn như người Âu Mỹ.

tôi bẽ bàng trong lòng.

Áy thế rồi từ đây, Ông M. mời tôi đến uống rượu ăn cơm ở nhà Ông luôn luôn. Tôi không thể từ chối được : những buổi vui này, đều có Bồ Phu Nhân dự. Tôi đã trở nên một người cần mẫn nhất của phòng khách và cửa bàn ăn nhà Ông bà M. Ông bà M. ngày càng mến thêm tôi vì những mâu chuyện rí rảm tôi đem ra kể vào những lúc tưu hậu trà dư. Những mâu chuyện gởi ấy, có bao giờ Ông bà M. ngờ và hiểu được là tôi đã dụng tình nói bóng gió và riêng tây cùng Bồ Phu Nhân thôi. Lòng vợ chồng vì chủ nhà ấy ngay thẳng lắm. Và tôi vẫn chỉ là một người hèn khốn đã lạm dụng đến

bụng hiếu khách của người ta. Giờ hãy rộng ban hạnh phúc cho vợ chồng ông M., cho những người bình dị và thảng thắn như thế.

Về sau này, nhân năng đi lại ở gia đình thuần phác ấy mà tôi được biết ông M. là một người rất thương, yêu vợ và bà M. là một người rất có lượng, hết lòng chăm nom ông như săn sóc trẻ và yêu quý việc nhà quá người ta nồng nịu nhũng đồ nữ trang Chưa bao giờ xóm giềng nhặt thấy tiếng cãi cọ trong gia đình ấy. Ở đấy, cái bình nước thường tinh lúc nào cũng có ít cánh hoa của mùa và đời chủ nhân không có ngày nào là không cười.

Tiếc Bồ Phu Nhân chẳng còn là người nữa để cho tôi vẫn có cơ tim đến tầm minh vào hoàn cảnh đơn giản ấy. Đây là một bến nước thiên nhiên để cho tâm tôi được chốc lát thả neo.

Phu Nhân họ Bồ mất. Tôi đã phải phụ ông bà M. nhiều hơn là lúc Phu Nhân còn sống. Vì có đến lại nữa, chỉ càng phiền

khô thêm cho tôi là một kẻ đã chót phải
lồng một ít dĩ vãng vào khung cảnh
ấy. Bây giờ, tôi tưởng có trở lại nhà ông
bà M. thì mỗi lần chỉ càng là một lần
đi tảo mộ.

*Thương du, ngày tháng của
không bao giờ va của mãi mãi ..*

CHIẾC VÀ-LÝ MỚI

Tặng Tuệ – người bạn ngoan

Bi dè viết Việt dè lấy cái mà đi. Tôi nhớ đâu một lần tôi đã cho một nhân vật trong một truyện viết của tôi nói một câu như thế. Câu văn ấy thực đã vẩn vào tôi như một cái triệu của nghiệp dĩ.

Cầm xong số tiền tiềm tiệm ấy của một nhà xuất bản đưa trả quyền tác giả về một cuốn sách đã lén máy in được vài chục bát chữ rồi, cái việc tiêu tiền tôi nghĩ ngay tới là đi mua thêm chiếc valy nũ'a. Đôi với một người còn thích đồi

chỗ suốt cả năm như tôi thì mẩy va-ly mà chẳng vừa. Chỉ sợ không mang theo được hết và giữ' được lấy cho trọn đời thôi.

... Năm nay tôi lại định đi suối vào miền trong nũ'a và nêu cái cảnh Lâm Viên xứ Tây Kỳ ấy vẫn là hay thi tôi ở luôn mãi, chẳng cần lòn trở về cái đất Bắc này mà làm gì nũ'a. Ở đây nhều người trong chỗ cổ giao đã chán tôi lắm và tôi cũng đã lấy làm ngàn nhiêu cho vỡ khối người trong cái đam tri kỷ rồi. Hồi đó, dũng tri kỷ — cái bắc hiếu rõ minh nhất — thường lại chỉ tìm thấy ở phía thù địch thôi, Xuân Phương a Đi đi. ! Âu nay, không đòi chỗ, ở lỳ mãi Hà Nội bức bối này, lòng tôi đã khép chặt lại, lòng tôi hèn quá mất rồi. Trong mẩy ngày liền, tôi đã nhớ đến Xuân Phương luôn luân, cùng một lúc với bài thơ Thỉnh Du :

« Mon enfant, ma sœur,
 « Songe à la douceur
 « D'aller là - bas vivre ensemble !
 « Aimer à loisir

« Aimer et mourir

« Au pays qui te ressemble ! »

Tin chắc rằng chuyen này trốn được vào chỗ rừng già đất đỏ ấy, tôi sẽ tìm thấy một cái gì quí báu, tôi sẽ sáng suốt nhận rõ được cái bản ngã ôi hơi, tôi đã muốn bắt chước một nhà thơ đau khổ nọ, mỗi buổi sớm ngửa mặt lên cái vòm cao xanh lồng lộng mà cầu nguyện, một dâng Sáng Tạo rằng... lạy đức Vô Biên, lạy đức Vô Lượng, xin ngài ban cho Con mỗi ngày một đặc ân là lúc nào cũng phải reo được lấy một vần thơ đẹp đẽ cho Con cảm thấy Con không đến nỗi là một kẻ mạt lưu trong xã hội loài người và thứ nhất là để cho Con vẫn được có chút quyền đặt mình Con lên trên những người Con chưa dung nỗi.

Đã có nhiều người bạn tìm đến đòi xem chiếc va-ly mới. Xem chưa đủ, họ còn ngồi nữa và kêu rằng cái mùi da bò thuộc ấy vẫn còn ngái lầm, hăng lầm, cần phải có những trận gió đường trường thổi vào cho nhiều thì mới hả hết cái mùi tanh nồng và

mới dùng được. Đã dành. Họ chè mùi da, họ lại chè cả đễn màu da. Nhưng là sáng quá, tươi quá, sạch quá, thiếu mất cái đẹp của phong trần. « — Các anh ngắm cái va-ly mới nhẵn nhụi, sạch bóng, chưa được thụ phép giang bồ, chưa được gió mưa của khói hành tăm cho ít bùn ít bụi, các anh nghĩ đến gì ? Tôi nghĩ đến những đứa con trai sợ s敬畏 chỉ dám lẩn quất ở nhà, mới đi ra ngoài là sợ sძnh nhà ra thất nghiệp ; tôi nghĩ đến những cái bộ mặt phỗp pháp trắng trẻo ấy mà khỗi người của xã hội quá bình dị ở đây lại vỗn khen là đẹp. Đây, tôi nghĩ đến những cái bộ mặt hưởng thụ, đầy đủ, bẩm được ra sửa ấy, khi tôi đứng trước cái va-ly mới quá, sạch quá này. Hồi người vừa mua chiếc va-ly mới, hãy nghe này : Nếu chưa có dịp lên đường thì nên lấy ngay ít nước trà tàu hoặc cà-phê đặc tẩm cho vỏ va-ly và bôi thêm ít vệt dầu máy vào cái mặt da mới. Có những vật chỉ cũ mới đi thì mới có giá. Xách một cái va-ly mới rất sạch lên tàu, tức là đã oan uổng gộp một

cái ngày thơ đáng tức cười vào một cảnh xã bồ phiền phức. Sự trái ngược ấy chỉ đem lại rất nhiều xấu hổ cho những đãng bôn ba biết qua chút phèm giá của giang hồ. Như ta chẳng hạn. Ai mà hưng thích được trước một cái hộp hành lý bóng như chùi? Cái va-ly, sinh vào đời, đâu có phải là sống với nghi lễ của vệ sinh, giữa cảnh bài trí yên nghỉ của một phòng khách ẩm áp sạch như chùi. »

Tôi bắt đầu có cảm tình với cái người bạn mới gặp kia vừa nói được những câu như thế. Lại một bênh kỵ tài trong việc Xe Dịch chẳng? Lại một đãng lão giang hồ ? Không giang hồ, không bôn ba, sao nói được những câu khêu như cái khôn của người sắp từ trần như thế? Sách vở nào mà chép mà dạy được những nhời ấy ; chỉ có cuộc đời rong rã, chỉ có trường đời vô thường định mới dạy cho người ta biết được những câu đẹp đẽ một cách quái dị như thế thôi. Tôi sắp cầu thân với người bạn nhất kiến thì một ông bạn làng văn đã chen vào :

—Nếu chuyến này có vào trong ấy, gắng viết lấy một cái gì áng chừng độ ba trăm trang. Cái va-ly đẹp nhất ở cuộc đời này vẫn là một cái va-ly chứa toàn bản thảo của những năm, tháng đi làm việc thuỷ thủ ở phương xa trở về.

Bạn tôi là một nhà phê bình chỉ ngồi một chỗ để rình mò xem quanh mình có xảy ra một cái thiên tài nào thì ông ta giác với quần chúng, hoặc có một cây viết thần đồng nào có tương lai thì ông lôi ra và gửi gắm cho người cùng thời. Có khi ông gửi nhầm và ít bị ai vân tội. Xã hội mình vẫn còn nhiều người khoan hồng. Ông chỉ viết và ngồi chờ dịp để phát minh những giá trị tinh thần mới. Ông sống ít lâm. Ông chỉ sống với sách, với không khí buồng sách. Tôi sống với ngoài đường, với những người đi trên đường, với cái luân lý của người bộ hành. Mỗi người có một lẽ phải riêng để tin cái sống của mình là đúng. Chúng tôi thân nhau, sơ nhau, gần nhau, xa nhau cũng chỉ vì có bấy nhiêu chênh lệch. Đến ngay những cái sở thích linh tinh chúng

tôi cũng không giống nhau. Đã mấy lần bạn tôi chỉ cây bút máy, hộp cà-vát, cây gậy trúc và lisi va-ly của tôi mà kêu là rằng tôi xa xỉ quá, hoang quá, — « những vật này, có phải sắm đến, miễn sao dùng cho được việc thì thôi. Lọc chọn lắm chỉ là phi phan, vô ích. Tốn thời giờ, tốn tiền. Mà ông thì đã giàu gì? »

Tôi chỉ cái buồng sách bề thế của Ông :

« — Cái bộ Bách Khoa Tự Điển gần hai mươi tập kia, gáy da mạ vàng, cạnh thếp vàng, kè cũng đáng gọi là một lối chơi xa xỉ. Cuốn sách tốt đặc dụng thường không là đẹp và mới. Có lẽ nó càng cũ rách càng là có giá. Giá nó lại mất đi hoặc không có nuff'a thì càng phải hơn.

Và ở một người viết văn để yêu sống, để tìm nhân loại, để tìm mình trong nhân loại, để được thấy nhân loại trong mình mình, cái phòng làm việc của người ấy đặt ngay giữ'a cuộc đời. Tâm lòng kẻ sĩ giữ'a cuộc sống muôn hình đã đủ là một cái thư viện rồi. Vẽ ra làm gì nhuff'ng cái đá sách vuông bên này; nó chỉ từ

một lối làm việc/hep hòi. »

Mấy buổi liền liền, động ra đường gấp lai người quen, là y như được người ta hỏi mình rằng : « — Kia, thế vẫn chưa đi à » ?

Về nhà ngâm lại va-ly mới, tôi thấy còn phải ở lại đây thêm một ngày nào là chỉ thêm ngại ngùng bẽ bàng. Một đêm hè ấy, lòng tôi cũng oi ả chẳng kém gì cái bầu giờ mùa viêm nhiệt kia. Khoảng không im vắng ; không một đợt gió giờ. Trên đỉnh đầu, trời trong vắt và trăng sao vắng vặc, gợi đến cái bầu trời các miền Nam. Hà Nội chật hẹp, nhà cửa ép đường phố, cây to chỗ thoáng đè nén người như thế này thì bao giờ kẻ cbiêm hinh mới nhìn thấy chùm sao Nam Hầu ?

Đi thêm những khoảng trống rộng rãi. Chứ đêm sao lơ thơ ở đây chỉ riêng băng mảnh mini-soa. Tôi ngủ đè mở cửa, đè buồi áo mỏm trở dậy, tôi nhện thấy tôi vừa bị mất trộm. Vài bộ quần áo thôi. Cái người thấy số hóm trước đã bảo tôi là tháng này thè nào cũng thất tài. Tôi tự

an ủi tôi rằng có khi cửa lại đi bay cho người và cái tên đạo chích đó sẽ Orr đau thay họ tôi cũng nên. Vả chăng những việc bị mất trộm về tài vật đã có gì là đáng buồn. Nhưng sự mất mát về tình cảm còn đáng buồn gấp ngàn vạn mà cũng còn chăng tránh được nữa là. Nhưng phiền một nỗi là bây giờ lấy cái gì đắp vào người đè mà lên đường ! Xưa nay, trên con đường nhựa, trên con đường sắt, người ta chưa trông thấy người lữ khách khỏa thân bao giờ. Cái điều kiện quần áo vào những kỳ lữ thứ, ở cái thời đại nào cũng cần hơn là việc ăn và việc ở Chẳng cần phải làm người đại lữ khách mà một du tử xoàng xoàng cũng phải nhặt bãy sự thiếu quần áo lúc đi xa là một việc thất sách làm giảm mất cái sức dồi dào của mình trên đường. Tôi đang nói khó với người ta may vá thêm cho tôi chưa xong thì lại tiếp đến việc một người bạn gái Orr suýt chết. Ấy là một cái kỷ niệm giang hồ cũ mà cái bồn phập tình cảm của tôi không chờ tôi ngờ được. Nghĩ đến

cứu & sàng đầu kim tên, tráng sĩ vò
nhau & mà lúc này tôi lại muốn có được
một tí thân danh của một người chủ
thầu để mà sai tiền mặc đầu tôi vẫn hiều
tôi là dốt tinh, gieo con toán suốt đời
chỉ có như là người ta gieo vẫn thơ thới.

Đã có khỗi bức thư ở miền trong hồi
âm ra đọc tôi sạo mãi mà chưa thấy vào.
Họ chờ mãi, vò rượu đã đem sẽ lè ra mà
đọc âm và gà chó đã chết dần trên bếp lửa
họ. Tôi lại mở chiếc va-ly mới một lần
nữa, dòm nghe vào không còn thấy
thiếu một thức gì. Thuyền tôi sắp nhô
neo được rồi. Thủ vây ôi ! Vẫn còn ở
Hà Nội mà lòng tôi đã thấy xa lìa hẳn
chỗn này. Và chưa chi mà tôi đã thấy
nhớ Hà Nội, nhớ phố Hà Nội, nhớ người
Hà Nội — nhớ cả đến một thằng bé
danh bóng giầy da. Kỳ diệu thay ! Những
cái phút sắp được khởi hành. Tôi phải
cái tật là chỉ quý yêu được trong tiếc
thương, tôi phải cái bệnh là chỉ biết quý
yêu trong khuất vắng.

Vậy mà, một buổi sớm ấy, tẩm lòng

đi của tôi đã tròn hẳn lại. Tôi vừa nhận được một tin buồn đem lại từ một cảnh nhà. Đứa con trai rất lòng của tôi đã chẳng còn được làm người nữa Nó bị trúng phong, chết đã hai hôm rồi. Và từ hôm kia người nhà tôi đi tìm tôi cù long vỡ cả Hà Nội lên.

À thế ra ngày hôm nay 15-5-41 là ba ngày của con trai và lại luôn là ngày lễ đại tướng của thi sĩ Tân Đà.

Tôi biết thế nào tôi cũng phải về Thanh để chia với nhà tôi cái buồn bỏ trai. Trẻ, chắc thế nào cũng được chôn cất hẳn hoi rồi. Nhưng việc cần kíp như thế, thường ít khi người nhà tôi chờ đợi tôi. Biết tôi ở đâu mà cho tin và tin đó có tôi được tôi thì biết bao giờ tôi về mà chờ với đợi. Ở nhà, thân nhân đã quen hẳn với sự sống không thường của tôi đã từ lâu rồi.

Vậy thì sớm chiều, thế nào tôi cũng về Thanh, không phải để còn được nhìn mặt trẻ, không phải để được lo liệu làm ma cho đứa trẻ tôi nghiệp mà chỉ là để ra mà nó vầy lên trên nấm đất mới kia một ít giọt nước mắt châm tai.

Sự tò dò tiếc thương lỡ đã muộn rồi, thôi thì cho nó chậm luôn một thè. Mai tôi hãy về, và đêm nay tôi hãy đi dự lễ kỷ niệm một nhà thi sĩ đã. Đổi với cái ngày tử này tính theo âm lịch, lòng tôi có lẽ còn nặng hơn việc chết kia. Vào lúc nhá nhem, ngồi ở nhà Thủy Tạ ven hồ Kiếm, chênh choáng hơi rượu sầu nhớ, tôi thấy những bản dàn cồng diệu của ban âm nhạc quốc tế kia cũng chẳng làm khuây cho tôi được mấy tí. Một buổi tịch dương lòng cư tang, hương lửa tâm tôi lem nhem, lúc nhóm lúc tắt theo với đợt gió hồ. Liết trời năm nay lạ thật. Cuối tháng tư nà gio chiều lại gây gãy lạnh như gió ngày thu tháng chín.

Ban âm nhạc của nhà Thủy Tạ thực là đủ thứ người ngoại quốc : Nga La Tư, Ba Lan, Ý Đại Lợi, Phi Luật Tân v.v...

Tôi ngâm mãi một nhạc công tuổi tác người Ba Lan nỗi khi đánh xong một bài lại lau mắt kính vàng, lại lau hai mái tóc bạc, gật đầu cảm ơn một cái công chúng bất kính với tất cả cái

khuất lụy có tính cách tôn giáo của một người đã già mà tôi đã bùi ngùi muôn khóc thành tiếng. Được dịp chia cái buồn này với một người nhạc công già, tôi đã bằng lòng với sẻ cho người một ít nước mắt thầm dành riêng cho trẻ.

Đêm hôm ấy, tôi đã về đến nhà. Trừ có ông tôi còn thức ăn thuốc khuỷa, cả nhà đã đi ngủ. Bị thức giấc, mọi người đều nhìn tôi với cặp mắt mệt mỏi. Trong cái yên lặng của một mái nhà ngủ bị chim bắn vào cái đèn của tinh xép, tôi nhìn mấy khoảnh giuờng có những cánh màn che cũ màu rủ buông mà lòng thấy se co bắn lại. Tôi ngồi thấy một mùi nhạt nhạt của những vật cũ mời àm mõc.

Ở đây, có một cái gì bé bỏng vừa di khỏi. Ông tôi nói luôn « — Thầy biết cái thằng Lăng ấy là khó đỡ lắm. Là số Tử Vi của cháu tốt quá. Hồi mẹ nó sinh nó, thầy h้า giờ, an sao thầy số tốt quá, thầy đã biết là khó giữ được.

nhung không dám nói. Khi đến kỳ chầu đầy tuổi tôi, thầy vẫn cứ nghi ngại cho rằng cái của quý nó ở được với mình ngày nào thì cũng biết vậy mà nồng nàn thôi. Những cái gì tốt quá là ít được bền. Con không thấy những người đánh bài cần thận, ít người dám ủ kính từ cõi. Tὸi tóm đã vậy mà đến bài tây thì người ta cũng kiêng những ván bài to có bốn con ích-xì về mình cả. »

Tôi ngồi im, lấy sức mạnh của ký ức vể lại vào trong tâm khám cái hình ảnh trẻ. Tháng Lãng ngoan lâm. Trên cao, má lúm đồng tiền, mắt sáng như nước dòng thu. Còn nhớ bồi đầu năm về thăm nhà, lúc tôi ra đi, mẹ Lãng bồng nó ra cửa hường vào tôi đã leo lên xe, nó phung phiu mím môi lại. Tôi đã ngẩn mắt đi, lấy chân giục người xe già cất cảng xe cho nhanh kéo dùn dẳng chút nữa thì lại còng lâu mới đi được.

Tôi lại nghĩ đến lúc nó chết. Rồi khi không đang ngồi bên cạnh bộ đồ trà

nóng của thầy tôi, tuôn đầy một bát khói nước đượm hương Ô Long mà tôi đánh hơi lại thấy toàn những mùi ghe góm của khói chòi xè, lá sơn, bồ kết và gỗ bạch đàn.

Vẫn thầy tôi nói tiếp : « — Được cái có thầy ở nhà, việc chôn cất cháu cũng tươm tất. Cái số thắng Lâng thế mà lại hóa may. Thầy có ít tiền định đi chơi xa. Trùng trình đợi một người thành ra mới có ở nhà hôm cháu nó đi đấy chờ »

Bỗng thầy tôi nhìn vào hành lý của tôi, đòi hỏi câu chuyện « — Con lai mới mua cái va-li mới đấy à ? Lại định đi đâu xa ? »

Vợ tôi lè đầu vào ánh sáng khung cửa mắt còn ngủ, vừa bắt gấp cần chuyên, chưa hiểu đầu cuối ra sao, vội chen ngay vào « — Vừa chân ướt chân ráo về tới nhà, lại đã đòi đi. Chẳng may khi về tới nhà ; đồng về là đã dùng đồng đòi đi ngay, chẳng còn thiết đến ai cả. Kìa lại cái va-li mới nữa ! Thầy bảo nhà con hãy ở nhà lấy ít hôm, hôm qua là ba

ngày tháng Lãng, đã lỡ không về kịp, thì rồng ở lại ít re là tới ngày sau cũng cõm cho Lãng vậy.

Lâu lắm, tôi mới lại có dịp đặt chân vào cái nghĩa địa h่าง tinh này; nhũng lồng trắc bách diệp đã sum suê, nhũng hàng thông mỗi lúc reo gió đã liền tiếng rỉ rền. Cái bờ hoa mầu đen đắt trên chòm mồ Lãng vẫn chưa khô héo hẳn. Thắp xong tuần nhang vào cái nấm đất còn nóng hổi và nhỏ bé chưa xanh ticc cỏ, nhà tôi và tôi vừa nhặt cỏ may ở quần áo và nghe mấy đứa nhỏ nói chuyện với nhau về cái chết của em chúng.

— Em Lãng chết rồi, em Tương không hiểu gì cả lại cứ bảo là em ngủ, nằm mãi bên cạnh. Đến lúc mơ bảo cho biết là Lãng hỏng rồi, sợ quá chạy mất.

— Thế chi âm em như thế mà chi không sợ à? Nay, chú Lãng rồi chú ấy thiêng lắm đấy. Mơ bảo thế.

— Ngày, làm sao lúc bỏ em vào cái

hộp gỗ bà lại lấy tì mực dỗ bồi vào
trán chú Lãng, anh nhỉ ?

— Vào gan bàn tay chú. Định bồi vào
trán, nhưng sau mợ nói đánh dấu như
thế càng thêm tội em bé, bà lại bồi
bồi vào lòng tay.

— Chú Lãng vừa đi xong có một lúc
là có kiến ngay. Đầy cả giường.

Thầy tôi cũng tìm đến mộ cháu Lãng vào
lúc chúng tôi sắp ra về. Lại nói chuyện
nhiều về cái lúc sống của một đứa trẻ
tội nghiệp. Gió thổi vài đợt nhẹ vào mấy
luồng tùng bách, đánh rớt xuống nhiều
giọt mưa động trên lá cây thiên cò xanh
xanh.

Ra đến quả cái bia kỷ công nghĩa địa,
thầy tôi đọc lại cho tôi một bài câu
đối nôm của người trong hội nhờ thầy
tôi lấy Kiều ra để chỉnh vào nghĩa địa
này hồi mới dựng nghĩa trang hàng tinh

« Có hoa bốn mùa, có chùa tụng kinh,
người suối vàng một giấc. »

« Nay cuộc tròn năm, này mồ và
chú, vững giảng bạc năm canh »

Vài ngày sau, cái buồn của tang đã lắng xuống, tôi muốn phơi dài tôi ra một chỗ thoáng nào. Tiết trời hè mà không khí ẩm ướt quá chừng. Làn da chiếc va-ly mới đã lên hoa mộc. Hoa mộc trắng như hoa mộc rồng dần dần xuống màu, ngả đúng cái màu hoa lim rừng. Mỗi lúc lấy dép lau chùi va-ly là tôi lại iẩm lết như trẻ ăn vụng. Tôi phải đợi cho thầy tôi đi vắng hoặc nhà tôi đi chợ rồi tôi mới dám làm cái việc tắm rửa ấy cho hộp hành lý. Tôi biết trước rằng nếu bắt gặp tôi săn sóc soạn sửa va-ly, thè nào nhà tôi hoặc thầy tôi cũng ghen một câu : « — Thì hãy ở nhà lấy ít hôm nữa. Việc quan, việc vua gì mà cứ tới tấp lên. Có ra ngoài ấy thi cũng chỉ để bợp chúng họp bạn thôi chứ gì. »

Không, tôi không muốn ở nhà nữa. Nhưng với một cái va-ly mới đẹp như thế kia, bây giờ tôi sẽ đưa nó đến một phương giời nào để đánh dấu cho đời nó một ít ngày đầu tiên xứng đáng ? Ở trong ấy đã có một giọt máu đào rất xinh. Tôi muốn cho đời va-ly ấy được đẹp, được

rộng, được mài lá, được tươi đượm hơn. Chẳng nhẽ nó lại chỉ co theo tôi vào đến cái đất Thanh này để biết đến có một chút mùi đất nghĩa địa ủ lấy năm cốt mềm của một cái chết hồn nhiên, chẳng nhẽ chỉ có thể rời nó lại lộn trở về Hà Nội — cái nơi tầm thường đã hết gọi đến tọc mạch, cái nơi quen thuộc mỗi gấp lại là lòng không bao giờ còn bồng bột cởi mở được nữa như ở những đất mới làm quen ?

Vào chǎng ? Đi mãi vào trong nữa chǎng ? Hay là lại lộn về ? Tôi hỏi tôi, tôi hỏi cái va-ly của tôi, tôi hỏi cái ví tiền trong túi, và mỗi buổi chiều cô đơn ấy, đối diện với nếp thành gạch cù, trên gác sảnh một lầu rượu vàng lạnh như chùa Âm Hồn, tôi lại hỏi cái cốc rượu mạnh của tôi. Trong đây cốc đã láng hết cẩn, trên mặt cốc đã vỡ hết bọt men, tôi thấy dùn dần lèo, hiện dần lên hình ảnh vài người bạn ở xa. Bóng người trong chất rượu chập chờn như bóng ma chài trên một cái mặt bờ lặng lẽ và tri trá.

Có một người quen đang đi dưới mặt

dương nhụa phđ. Ông, ông bạn Ch. Ph. Thế này thì tôi không phải uống rượu một mình nữa rồi. Độc ám, nhiều khi tủi lâm. Tôi cho phđ-ky chạy theo mời ông lên.

— Về bao giờ? Mà không đi thăm các bạn? Mà không xuống thăm tôi. Mà ngồi uống rượu một mình như một người không có bạn thế này, hở người anh em lâu lâm mới lại gặp kia?

— Ở đây, anh bảo tôi đi thăm ai bảy giờ? Uống đi. Hòm qua định xuống, nhưng anh sống cái nghè chǔ thuyền, ngày giờ trên sông nước rất là không thường, xuống không chắc thuyền có đậu bên nhà không, nên lại thôi. Nhất làm nhất trác giai do tiền định. Anh uống đi.

— Thế về làm gì?

— Đè xuống đặt một vòng hoa dưới nghĩa địa. Tôi vừa bỏ một cháu.

Chúng tôi lặng lẽ uống, nhìn vào một cái buồi chiều tro trên. Ở cái tinh tế này, tôi nghiệm ra hình như buồi chiều nào cũng đều không có hoang hôn. Tôi ngầm cai khuôn mặt ông bạn Ch. Ph. Cái v!

sep ở cõi ấy gió sương trên sông hè đã
lầm thầm màu lại rồi. Mấy năm làm
thuyền còn gì nữa. Nhờ bồi Ông làm lê
ba thủy chiếc thuyền đầu tiên Hồng Lập
chờ được bằng ba mươi tấn than. Ông
danh giấy mời tôi về dự lễ ở Bến Ngự,
tôi có mừng ông — ông xưa kia chuyên
nằm vai vở tuồng, sống với sân khấu —
một đời cầu đối

*« Cảnh thế nhợ người bào, tro trẹo
châu Thang câu hát bô,*

*« Bè ngồi xây nghiệp nước, nồi nênh
hến ngự chiếc đò than »*

Tôi hỏi thăm ông về chiếc Hồng Lập

— Chiếc Hồng Lập hàn rồi. Được già
thì bán đè đóng chiếc khác to hơn,
chứ xấu gì chuyện đó. Giờ đóng chiếc
Hồng Cơ. Chờ được đến hơn bốn mươi
tấn. Sớm ngày kia Hồng Cơ lại ra Uông
Bí lấy than dầy. Có đi cùng không? Lại
uống rượu tay đối trên sông mà.

Tôi chồm hẳn dậy. Cả một cốc rượu còn
dày, tôi chỉ làm có một ống. Tôi mừng ron.
Tôi mừng cho tôi, tôi mừng cho chiếc va-lý

của tôi. Nó sẽ được đi mành ; con thuyền ấy sẽ rập rờn trên sóng ngòi, sóng khen sóng sông cái, sóng biển rộng. Hàng mây râm, cái va-ly mới kia sẽ theo thuyền mà tha hồ thăm các bến, các giang khâu, các phu đầu. Đời cái va-ly này sẽ có một sự khác lạ, sẽ ghi được một thành tích kỳ thú, sẽ có một bước đầu không hèn !

Cái con đường thủy này tôi vốn lại chưa có dịp trườn qua bao giờ.

— Sao lại sáng ngày kia mới đi ? Sao lại không đi ngay sáng mai ?

— Cái quần ở trên can ra không hiểu gì cả. Ngày kia mới gấp kỳ con nước, thuyền nhỏ neo mới nhẹ mũi nhẹ lái, có biết không ?

Tôi à một tiếng, định ước ngay với chìa thuyền.

Đêm ấy và đêm sau, tôi ngủ nhà, lòng rộn ràng như lòng người đi thi.

Trần trọc qua canh, tôi rón rén ra buồng ngoài dinh sẻ của mẹ tôi một ít ruợu huốc. Vợ tôi rất nhẹ giặc đã ngồi dậy quấn tóc.

— Mình đã đi đây à? Giờ còn tối đất
lâm, tàu bè nào bây giờ. Giờ độ hai giờ
chứ mấy. Không tin mình ra xem đồng hồ.
Tôi biết thế là vì hồi còn mồ ma Lãng,
đêm nào cũng cứ vào khoảng này, thì
tôi trở dậy pha sẵn sữa cho con. Hình như
cái hộp xưa cuối cùng của em nó vẫn còn
một nửa. Tí nữa, mình lấy mà ăn đi. Ở
nhà, cũng chẳng ai biết ăn sữa bò. Mà
cứ đẽ mãi ở góc bàn, trông thấy lại càng
thêm nhớ nó quá.

Vợ tôi nghe lời. Tôi thấy tôi cũng muôn
rơm rớm nước mắt theo và tôi ngờ rằng
sớm mai đây khó lòng mà đem gửi nồi cái
va-ly mới vào một cái lồng thuyền.

Thuyền rút sào, rời bến, đảo mũi. Cái cầu
si-moong Bốn Voi soay mình vòng quanh.
Ấm trà sớm uống trên mặt sông, diều
thuốc lào hút trên mui thuyền, hương vị
có khác hẳn mọi lần. Kế đến bữa rượu
sớm dọn ở đằng sau khoang lá, ăn đến
dâu, vứt xương thịt xương cá xuống ngay
dòng nước chảy lùi. Chủ thuyền đã cho

ngâm sẵn mực và hành tửu, tôi tưởng thuyền có mắc cạn hằng tuần, thì cuộc đời tình cảm của tôi trong cái khoang thuyền này cũng vẫn chẳng chút nhỡ nhàng. Lúc này tôi không biết sơ thời gian nữa. Lúc này, nằm phơi mình trên mui thuyền nép dưới bóng lá buồm chỉ thiên rộng tới nghìn vuông vải nâu, hưởng cái gió sông xiết mạnh mãi vào lòng phiến buồm chưa phồng, tôi mới thấy thương nhớ người nhà và nghĩ đến cái sự khôn còn có mặt ở đời này của đứa trẻ Lăng, tôi còn nhớ một lần nưng con trẻ trước mặt tôi, vợ tôi đã vờ cắn vào đùi trẻ và nói: « Mợ nuôi cho con chóng nhơn rồi chong lai theo cậu nhá. Lại sớm giang hồ thôi. Bố con nhà mày! » Tôi lại nhớ hình như mẹ tôi cũng đã có lần nói với tôi và ná như thế, vào những kỳ thầy tôi đi chơi xa.

Nhà nhem tôi, thuyền bắt đầu vào kênh Toán. I rời nồi cơm gióng rỗi mua. Mưa lợp đợp, mưa rào rào, gỗ mài vào mui nan cát, mỗi giọt reo nặng là mỗi tiếng đánh thức nhiều chuyện tốn mủn của những

ngày qua. Hơn người thay là những kẻ không có dũng vāng. Đêm nǎm thuyền, nghe mưa trên sông ! Cả một cái dề cho một áng thơ diễn tả những cuộc đời cô đơn trong tâm kham. Ngày ngà rượu chiêu, nǎm lǎng mưa ngã mãi xuống sông thuyền tôi đã tưởng nhớ đến Xuân Phương — cái người bạn ở Hà Nội cũng mắc bệnh chơi mưa : mưa trên tàu lá chuối, mưa bên cửa kính, mưa ngoài giọt gianh, mưa trên đường nhựa ; mỗi lần gặp mưa ở đâu, là người ấy lại tưởng mình đã già thêm đi mất một ít, lại vội mang phẩn ra mà thoa và thay quần áo đẹp mới. Người bạn ấy cũng thèm đi lǎm. Sao lúc này người ấy lại chẳng cùng tôi nǎm chung mot lòng thuyền, dề cùng nghe mưa của cả một chiếc thuyền bōng.

Tôi đã khoác tấm chăn chien vào người bò lên mui thuyền. Thuyền đi chậm chậm. Kênh Toán là một đường thủy gay'go nhất cho đám người chèo lái vào những buồi tối trời mà lại mưa gió. Kênh Toán là một con sông đào kiệu chū chi. Đêm tối

như chát hắc ín. Chủ thuyền chăm chú đợi những cơn chớp nguồn. Mỗi tia chớp là một ngọn đèn rọi đường. Cảnh buồm đồi giây lèo luộn. Thuyền đi ngoẳng ngoèo, gió lúc thuận lúc nghịch, chưa thôi dọc bết thì đã tạt ngang ; tiếng nhũng con giây lèo nghiến vào nhũng cái dòng dọc nghè không khác nhũng tiếng chim ác điệu kêu vào nhũng kỳ dù rừng mưa thảm àm sũng gió ngàn rú mạnh. Trên dòng nước nồng hép oắn oèo, ehõc lát lại được thấy một cái chấm lửa đứng im.

Ấy là một đoàn bè gỗ bồ đề chờ từ đường ngoài vào bán cho nhà máy diêm Thanh Hóa, đến đây phải nghỉ lại.

— Bè bồ bên nào ? Bồ bên cay hay bên bát ?

Lúc tránh nhau, sườn thuyền cọ vào mạn bè gỗ, nồi lên nhũng tiếng kêu kít bé như tiếng thở dài. À thế ra cay và bát là thế. Cay là bên phải của thuyền, bát là bên trái cửa thuyền. Còn nhớ ngày nhỏ đi học, giờ quốc văn, đọc đến câu « một con thuyền cay bát bên

giang», đãng thầy học tôi không thèm cắt nghĩa tôi.

Suốt một dọc Kênh Toán, toàn bè là bè Hết gỗ bồ đề lai đến nữa. Trên nhiều nhà bè còn thưa, có rất nhiều tiếng đọc kinh đầm ngực. « Lay Chúa, chúng tôi là kẻ có tội ». Một đêm mưa gió trên sông lạnh hép tôi om om, xa làng mạc, chợt nghe những điệp vần câu nguyên vang lạnh này của một đoàn người bên giáo bên những ánh nến ma quái lung lay, tôi thấy cả cái không khí của mấy cuộn Tân Cửu Út: Kinh cùng là những cái ghê rợn của những ngày mới tạo nên cuộc đời và của ngày « Phiên Luận Tội Về Sau Nay ».

Người thuyền trưởng thuộc đường thể mà thuyền cũng cứ bị mắc cạn, mũi thuyền thường lén bờ kênh. Ấy thế rồi gần về sáng, nước rút hết lúc nào không biết.

Cái đêm đầu tiên thuyền mắc cạn ở kênh Toán, tôi đã đem rượu ra uống suông rồi gối đầu lên cái va-ly mới. Tôi đã vỗ về chiếc va-ly và ôm bảo lòng

tôi rằng thuyền cạn rồi thuyền lại nồi, con nước thủy triều xuống rồi con nước thủy triều lại lên và va-ly ơi ! « khởi hành ban đêm ; tinh giác giữa cái sán lạn của ban mai rồi cảm thấy chỉ có Hai Ta lùi thui trên cái bắp bênh của sóng ».

Mãi đến gần trưa ngày sau, con nước mới lên đủ mực, nhắc bồng thuyền lên rồi quá trưa, bon tôi ra khỏi kênh. Lúc giờ vàng mặt, thuyền bỏ neo ghé đồn Lạch Trường trình sở hoành then.

Sớm ngày thứ ba cả thuyền sắm sửa lại lái lèo đè ra khơi. Con đường vượt bờ là cái đoạn này. « Gió đã lên » lâu rồi, chỉ chờ iới thả chân bên mạn thuyền, ngồi nhìn đám người đi dạo lặn xuống nước mà những con hầu, cổ lòng thông, cái dây có thành giá đang rõ nhiều giọt nước. Họ ngâm ngang mềm một con dao, lặn xuống nước một lúc lâu, tìm những tảng bờ cản vào suôn đá, cay ra rồi ném lên mặt nước, vuốt mặt, nhô và thở phì phì ; họ vuốt mặt, vuốt mặt và nhìn lại chân trời đẹp với sự khó nhọc

chiều dăm. Những cặp mắt toét và những cái miệng mếu máo dày nước mặn ấy của những người đi cay bầu gợi tôi nhớ đến mấy đoạn sách của Panett Letratil tả cái cảnh huống nhung người lặn tìm bọt đá bè ở các vùng đồng bì phèn Địa Trung Hải. Ở lòng nước bè ấy, mỗi cái tăm nước nồi lên mặt sóng lặng là một giọt máu của một người. Người lặn xuống cạy bọt đá ấy có khi không nồi tăm lên nũ'a, lấy lượtn cái đáy bè có lót bọt đá ấy làm một cái mồ. Vậy mà hàng năm, vẫn cứ có bao nhiêu người khác phải lặn xuống như thế, hờ biếu cái đáy hè phèn ấy thành một nghĩa chung chìm ở rốn nước. Tại sao thế? Lại vì trên thế giới này, còn có nhiều ný nhân cần luôn luôn đền bọt bè để tăm kỵ nước da mình cho mãi mãi được trắng mịn.

Trình giấy đòn xong, túyền bến tui ra khơi. Cả một vùng Lạch ruồng dang bò lùi lại sau cuồng lai. Ở đây, có một cái gì đáng lưu ý nhất thi là nhung nai

muối. Nhũng ruộng muối vuông vắn, thấp cao từng đợt cấp gợi đến nhũng thửa ruộng ở ven đồi các xứ trung du ngoài Bắc. Nước biển khô cạn trong lòng nại, dân vùng duyên hải này — do nhà doan thuê làm cu-ly giả công nhặt — cào vụn ra và cơi lên thành dống thành ụ. Đứng trên thuyền, từ xa trông vào nại có nhũng chòi canh, nhũng ụ muối trắng và nhũng cái mốc sơn trắng có đánh số hiệu từng nại một kia cho ta ngộ nhận đây là một cái bãi tha ma mới được nêu. Người sống săn sóc quét vôi cho luôn luôn Phía gần nại muối là làng Ý Vich Lộc Tiên. Lũy tre xanh hẻo lánh này là quê hương ông bạn Bình Ch. D. Người cố nhân ấy, giờ thực là hạc nội mây ngàn.

Biển rộng đã bắt đầu. Hết sóng gối róc rồi đến sóng vỗ tai. Người thuyền trưởng luôn tay đeo dây lèo và mẩy lá buồm lúc thi chạy theo lối cánh xếp, lúc thi chạy theo lối cánh tiễn. Tuy rằng chạy ra biển

nhưng lúc nào cũng nhìn thấy đất liền. Đây đã là cửa bờ Thần Phù. « Lệnh đèn qua cửa Thần Phù ; khéo tu thi nồi, vụng tu thi chìm ». Phía trong mũi núi kia là hang Từ Thức, là Vườn Đào, là Bến Chúa. Những danh từ cảm dỗ.

Thuyền gặp một đoàn cá he ngoi lên khỏi mặt nước. Đến như mình trâu và to bằng con trâu. Những người đi bè vốn sợ cái giỗng cá này, lầm lết nhìn trộm đầu cá he ngoi lên ngup xuồng và thi thầm : « — Ông đang múa đấy » . Thuyền thuận gió, chạy non ba tiếng đồng hồ rồi lách vào đất Phát Diệm, quê hương của sứ gieo mầm đạo vào xứ này. Trước mặt tôi, từ phía chân trời, có bao nhiêu cái nóc nhà thờ đạo cứ rút lại gần. Và bao bên ven lạch, bên phải bên trái, quá trong những làng mạc xa kia đều là nhà thờ cả. Thuyền bợ tôi gặp những thuyền chợ đi ngược lại, chờ toàn những cô gái buôn khuôn mặt và cặp mắt xinh đẹp đều dập theo cái vẻ đẹp như mi của thánh Marie. Cái vỗng bờ này vốn là xứ sở của người

bên giáo. Trong kia một chút nữa thời
đã là Kim sơn.

Buổi chiều một ngày thứ ba, thuyền bọn
tôi cầm neo ở cửa Đồn Cổng đã san sát
những cột buồm và giây lèo. Thuyền
Thanh, mành Nghệ, thuyền Nam, thời thi
đủ. Ở đây có thể gọi là cái rừng cột buồm
được. Chủ thuyền có kè cho nghe rằng
vào cữ một chap, các mành Nghệ hẹn gặp
nhau ở đây, họp thành đoàn, đợi gió
rồi dắt mā về ăn tết, vui không biết thế
nào mà kè. Ăn tết năm nay ở Đồn Cổng
chẳng? Tôi hỏi tôi.

Đêm đến, cảnh chờ bên Đồn Cổng không
đến nỗi tệ vắng. Có những cô gái Kim
sơn, chèo những chiếc thuyền thúng đi
chào hàng. Họ quỳ gối xuống sấp thuyền,
hai tay chèo đều đoi mái, thuyền nan luôt
qua, len vào kẽ các thuyền gỗ, lửa thuyền
nan — thường là một ngọn nến thấp
trong khoang vắng chứa đầy rượu — chắp
chới hấp hay theo ngọn gió lùa cửa sông.
Cái đám phụ nữ bán hàng tạp hóa trên
mặt nước này có đứa họ, không bao giờ

họ biết giận. Thương nhân phụ.

Mãi đến mười giờ sớm hôm sau mới trình xong số hoành then.

Mãi đến một buổi sớm khởi hành của bao nhiêu con thuyền, hôm nay tôi mới nhận thấy hết cái ý vui sướng ngụ trong mấy chữ thuận buồm suông gió. Tất cả bấy nhiêu thuyền đều rong buồm hết. Buồm lá trường của thuyền Nam dung là những bức trường vải đám ma. Buồm chỉ thiên của đoàn thuyền Thanh đẹp nhất. Và mạnh bạo nhất thì vẫn là những cánh buồm giỏi vẽ lại cái dáng điệu của những chiếc thuyền Tàu Ô đi trên bè.

Phải đi thuyền, lần theo những bờ ruộng xanh um nơi này thì mới nhận rõ thấy cái tính cách hiền lành và tẻ nhạt của vùng Sơn Nam Hạ. Người tỉnh Nam Định vốn có tiếng là chân phuơng. Thuyền bè vùng Nam hay dùng mây song - đè kéo những lúc tắt gió, trái với lối ở Thanh thì chống sào và ở Nghệ thì chèo. Chỉ ở một nơi mà sơn suyên thiều hàn thì mới kéo được thuyền như thế thôi.

Ánh nắng sién khoai không bị vướng bởi những cái gò ghè của các tinh có núi non, đã tà tà chiếu thốc vào những bờ sông cỏ non, óng như chùi. Nắng vàng mát và cỏ xanh rờn. Giời mà làm thơ điếm phầm thì không chê được. Và phút này, tôi muốn được hóa làm con bò gác mặt xuồng bãi cỏ sông kia.

Đến quãng Tam Tòa Độc bộ, tắt gió. Thuyền trưởng giao cuống lái cho con cầm, nhảy từm xuồng nước, lồng mũi song vào vai ; gù người xuồng kéo con thuyền và hò :

*a Ô...sigma... Bên ôi.. bên nghỉ... thuyền vèo
Tiếng hò ngân vang trên mặt nước chiếu
một cái ngã ba sông trái gió, đi vào lòng
tôi như một mũi tiêm trùng trình. Lòng
tôi trớ nên sợ hãi cái xa vắng mên mông
ở ngoài cuộc đời này.*

Ấy thế rồi, sầm tối ấy lại nồi con giông. Chúng tôi phải ngủ lại ở gần ghềnh Thao Ma Thủ Phu để thỉnh thoảng tĩnh giác nhìn những đuốc lửa chập chờn như ma chơi của những thuyền hàng khác phái

kéo đêm cho kịp kỳ chợ phiên. Bấy там
năm xưa, tôi cũng đã về ngủ một đêm ở
gần nơi này tìm một người đàn bà... Gần
đây chút nữa là sinh quán cô Xuyến (1)
Và quá dưới dòng nước này, đi quá sâu
vào hữu ngạn lơ thơ ngọn tre dưới kia là
làng Ông Thông Phu (2). Chao ôi! Đêm
tối như đêm giao thừa. Vẫn lại mưa rả
rich. Mưa trên sông. Mưa xuống mái
bông. Mưa trong lòng, — «chuyện cũ...
ói...ư hù...σ...σi...»

(1) (2) Chiếc Lư Đồng Mái Cua. — Hán Thuyên
1941.

MỘT LẦN ĐI THĂM NHAU

Tặng Nguyễn và Thống

Con tàu vẫn chạy đều, mỗi chỗ đường
quẹo, tiếng rít của sắt bánh cọ vào sắt
đường, nhại đúng tiếng mảnh chai cạo
lên tinh tre tinh nữa. Tôi uể oải mở hé
đôi mắt. Tầm mắt hạ đúng vào một mớ
tóc đần bà rổi tung bên tẩm ghế hàng ba
trước mắt. Ừ người hành khách ấy giờ
trong đã đỡ xấu hơn đêm qua Tôi qua, lúc
tàu tốc hành rời khỏi Hà Nội mỗi lúc ngược
mặt lên là tôi lại phải nhìn thấy thiếu phụ
hở mạnh ấy. Cái khuôn mặt không gian

chút thắc mắc về sự sống tỏ ra về mình
rất bằng lòng mình tỏa ra một cái ý hướng
thụ rất lâu bền ở cuộc đời này, cái khuôn
mặt ấy đã làm cho tôi vướng bận mắt vô
cùng. Tôi đã phải sờ ruột và không thể
không nghĩ đến cái kiều đẹp yên nghỉ
vững chãi và ngu đờn của một kiếp Thúy
Vân sống hẳn ra ngoài tập đoạn trường
nọ. Một đêm lữ hành có gió lồng vào
khoang tàu có sương tháng mười lật tạt
vào cửa sổ toa tàu đã in lên mặt thiếu phụ
đang thiếp giấc kia một chút gì của bạn
bịu của râu rậm và vỗ vàng. Giờ trong
cái khuôn mặt tròn đã có thể gần thành
trái soan được. Có những cái mặt người
chỉ lúc ngủ mệt mới thành được một khò
mặt gọn.

Tôi tì tay lên thành cửa sổ tàu, nhìn ra
một vùng bình minh bao la ở bên tay trái
Chỉ có cát và cây cắn. Đây là Quảng Bình.
Xa xa ngoài ít nữa là bờ biển đông. Cây
và cát và con tàu cứ đi qua mãi một
vùng rộng chỉ có thể Cái buồn của hoang
vu. Không một ngọn tre quen thuộc. Ánh

nắng mặt giờ đã làm cho những đám bụi
đô của con đường thiên lý hiện ra từng đoạn
ngắn kia thành một sự thực thô vị. Ành
sang sớm đã hâm dần bầu khì sớm. Cát
trắng đã thành cát vàng. Từng cồn cát vàng
Màu cồn cát đè lên màu quan lục của tùng
vũng bè đồng và chốc chốc lại một chút
phản hồng bay tung. Một chiếc xe hơi đã
qua đoạn đường « thuộc địa số I » đó như
máu ấy,

khi Quảng Trị. Rồi những bức thành
bên đường Huế. Không đi thì nhớ Huế
mà xuống Huế thì . . . Ô Huế nhiều
truyện lắm. Bao giờ tôi quên được Huế.

Hay là tôi cứ xuống Huế? Xuống nghỉ
ít ngày cho nó đỡ mệt, rồi lại đi nữa,
Về lại cách đây ít ngày, tôi cũng đã thư
cho anh bạn cũ là sẽ ghé thăm. Đoàn, cái
anh bạn cũ ấy có lẽ giờ đang nghỉ đến
tôi sắp bước vào nhà anh với một luồng
gió nồng mới đem theo của cảnh xứ Bắc
vào. Một lần, hồi cuối thu, viết ra cho bạn
tôi, anh tả con sông Hương, anh tả người
dàn bà hát trong sạp thuyền, lời Mẽ làm

ly như giọng một khúc hành Tý Bà, cuối thư có một câu : « Giọng líu lo buồn nỗi khó nghe . »

Tôi vẫn còn ngần ngừ. Tàu đã qua cầu sắt đè vào ga. Tôi vẫn ngồi chưa chịu đứng dậy. Tôi hỏi thiếu phụ có « một lối đẹp Thúy Vân » ấy rằng : — « Thưa bà bà xuông Huế ? » — Chúng tôi đi Phan Thiết » Tôi sợ quá, vội cầm ngay lấy quai va ly bỏ con tầu xuông Huế. Đằng nào thì cũng tội, nhưng xuống Huế có lẽ hơn là phải ngồi xuốt một ngày một đêm nữa đối diện với một người đàn bà có một vẻ tầm thường của cái đẹp dễ dàng phô ngay ra hết đè rồi chẳng nói chẳng gởi gì nữa hết.

Tôi nghĩ đến những ngày năm trước ở đây. Hồi ấy, thày tôi làm việc ở tòa Hội Lý, tôi còn ở tuổi hè dài, mặc một cái quần không đũng, ngày ngày bỏ nhà, đi chân lén xóm chợ. Định tìm đến nhà một ông già lòn thắt bên họ ngoại để được xem những cái bọn đồ sứ nội phủ tẩm mủn xinh xinh. Lớn lên, thăm lại cảnh cũ,

có lần tôi đi Huế, thày tôi nhỡ độ đường đã
đem tôi vào ngủ đỡ một đêm ở hội quán
Bắc Kỳ Châu Phả. Đêm ấy mưa gió, cảnh
lại tối tăm, hai cha con không sao nhầm
mặt nhau. Rồi mấy lần sau tôi ghé Huế một
mình, có một ông bán cho tôi một hào một
cốc nước lã, vào một kỳ lễ Nam giao tôi
trở ở Khách sạn Ông có nửa ngày. Một lần,
khác đi chơi dài bạn với một anh bạn thi
sĩ điên điên và hay dăng tính, tôi đã phải
ghé xuống Huế vì hết tiền. Phải dịch độ
lại ở kinh, nhiều buổi chiều, chúng tôi
không biết làm gì cả, dành lại vào hồ Tịnh
Tâm mà nhàn rỗi. Hồi ấy, bạn tôi và
tôi đang ở trong một thời kỳ khủng khoảng
và hoang mang của tâm thần. Lòng dõi
và đầu nặng trĩu những ý nghĩ của ụ sát
hai đứa tôi tì xuống lan can nếp lầu tạ cũ,
lặng nhìn đàn chim vô cánh lia mặt nước
kết sen cuối hè. Bạn tôi ngồi đây yên lặng
cho đến lúc giờ tà chim xuống dây nước
tù, ngồi đây vi ra trong đầu những câu
thơ sâu rụng mà sau này được dịp in ra
thành tập có nhiều người sành chơi cảm

giác của chung quanh kêu là hay lầm, hay, bởi vì không ở ngoài Đau Khô Tôi ngồi đây đè nhở đất Bắc, đè tinh một con đường về ở Huế, tôi còn đè lại những cái gì nữa ? Còn, còn một cái mà rất xinh — mà người em gái nhỏ, chết ở nhà thương làm phúc và chôn ở « cõi », đường lên núi Ngự bình. Nay giờ lại xuống Huế. Nhìn con đò ban ngày, tôi đã nhớ đến một câu hò mãi đây. « Nhở lại thêm phiềng. Quên đi thì chờ, dờ lại thêm phiềng . . . »

Đặt tên tự cho mấy thủ đô Đông Dương một văn sĩ pháp qua đây đã gọi Huế là « nàng sùi sụt ». Cái thứ mưa đầm ở Huế có cái công dụng là day nghiến chì chiết đến lòng người.

Những ngày lũ thứ ngồi co ro ở quán trọ nhìn Huế mưa liên hồi, mà lại tuyệt lương nữa thì tưởng có thể uống ngay được một liều thuốc vĩnh biệt, nếu sống trong lòng mình không còn nhắc cho một chút phẩn đấu gì. Thường niên Huế không có Tết Trung thu. Vào cũ này

quả kim phong vũ biều ở đây lúc nào cũng chỉ lá lay ở khoảng mưa và ẩm thèi. Tôi là người vốn thích thú chơi mưa mà tôi cũng phải khiếp cái lối Huế mưa « mang mang vô tuyệt kỳ »

Năm nghỉ ở nhà bạn ngày hai buổi đi dạy học, tôi tựa cửa nhìn mưa bay và chờ cái phút tan buổi học, Đoàn về hai đứa mang rượu ra khiền muộn. Chiều đến, Đoàn lại xách cặp ra trường, dồn dén trên vũng lội và vết xe lầy. Nhìn theo. Đoàn tay dương cây dù dồn mà tôi thấy yêu tiếc cái dáng anh bạn dài các mà chưa được hẵn phong lưu. Ngày thường Đoàn vẫn cho tôi hay rằng cai nghè đi dạy học tư tính tiền giờ lại còn chật vật hơn cả cai nghè viết báo. Đề che dấu một nỗi bát đắc chí, Đoàn đem luôn cái tài trong mơn sự phạm của mình ra mà khôi bài và kêu rằng « nhiều giờ ra bài tôi giảng rất có hứng, tôi nói rất bay, nói rã họng ra mà cả lớp chẳng ai ôm tay cả. I bà lộn về Bắc diễn kịch như xưa lại cò hơn » Hoàn ra trường rồi tôi khoác cái áo mưa nhanh

đi về nèo đầu cầu Thành Thái nhìn những khách qua cầu. Muốn thấy người kinh cho đầy đủ mắt trong cuộc sống không gì bằng ra đứng ở đầu cầu Thành Thái. Rồi tôi lại thấy thêm rằng trong cuộc sống ở đây cái gì cũng có vẻ ít cầm lầm. Nước chảy chậm chậm. Lá rơi nhẹ nhẹ. Con sông lờ đờ. Người ta lờ phờ. Và hình như ở kinh này người ta biết vội vàng chỉ vào cái lúc qua sáu dịp cầu Thành Thái này thôi. Những ngày mưa đứng ở đầu cầu mà nhìn những người đàn bà bộ hành qua trên sông, mặt hoa chùm lụm dưới nón lá phản ứn co ro trong áo sơ lá,—cũng đã là tôi rồi nà dáng dấp của người không khoác tai lá, mình chiếc áo đơn, lúc này trông lại càng bắt ogán. Những màu áo hàng đơn lồng lầy và diu diu duỗi mục vào những kỳ hạ giờ khó sang ấy, giờ đã nhẽo nhèo và xuổng màu càng làm tối thêm sắc giờ lâm trên sông mưa. Né dính chặt vào da thịt và tõ cao những thân hình khẳng khéo. Vào ngày hè rực rỡ tui nhủ'ng cái khẳng khéo này có cái

nghĩa là dòng dòng thuận thuận, manh mảnh rất quý tộc và rất dễ thương. Thật vậy vào cữ hè không mưa, đứng ở đầu cầu như một gã du thủ du thực mà ngắm người qua sông thì lại thấy được tất cả cái sán lạn nõn nương của đất kinh. Những thân hình cao vút – đi ngắn ngắn như thiếu phụ Nhật-Bản chân bước vướng bận vì tãm siêm và đôi guốc lót thời – một tay kéo nghiêng mép nón bài thơ xuống một tay mím lấy gấu tà áo sau ấp lấy mông trông mà chỉ muốn vẽ ngay. Những màu hỏa hoàng, màu khói nhang, hoa hiên, nguyệt bạch, cánh sen, phấn hồng, từ vĩ hổ thủy, tim than, tim bạch nhật, xanh nõn liễu, xanh da giò, xanh lá mạ, xanh cánh chim chả, xanh lúa con gái, tình ơi còn xanh những gì nữa ? Quần áo trên dưới trong ngoài đều là hàng tơ cá, mỗi đợt gió sóng bắt gặp vừa thôi lồng vào là cả một điệu ca vũ cuồng dại. Và tôi cũng chưa thấy cái thứ gió nào mà si tình đến như luồng gió sóng Hương, lúc có người đàn ba qua sáu dịp cầu Thành Thái. Né

cứ triu chặt lấy thân hình người.

Mưa mãi. Mưa hoài. Mưa rào đờ xuồng
 mãi nhà thầy đờ Đoàn đều và mau nghe
 cứ như tiếng máy khâu lúc kim chỉ ăn
 nhanh xuồng vài hồi. Đến lúc cái chậu thau
 ngoài hiên chỉ còn kêu lóc bóc rất thua
 thời để đón lấy giọt gianh hông theo trong
 đêm tối, máy đưa tôi lại lần qua sông mua.
 Cầu đêm vắng người rông bắn ra và sáu
 dịp sắt xám buồng trên dòng đèn lạnh
 cũng dài thêm được chút nữa.

Nhà Cò T... Ng... vẫn chưa có khách.
 Cò là một ca nô quê vùng Hoài Hoan
 vào đánh đàn cho người hai châu Ô Lý
 nghe cũng đã lâu đời và cũng đã có
 nhiều lúc được đặc chí; có lần cò đã
 làm dâu họ cửa phủ một ông Hoàng.

Cò gầy hơn ngày năm nọ. « Thầy
 Hà Nội » lại về Huế để nghe một cô đào
 Nghệ hát giọng Bắc một lần nữa! Đoàn và
 tôi tăm tắp nhìn nhau, nhấp những
 chén trà đã đi hương từ lúc chưa pha.

— Chùm buồn vắng lâm, quan ạ. Ông
 Đội Trác đánh đàn tỳ ốm nặng, có lẽ

chết mất. Th... N... lấy chồng đã ba năm
Cô Nh... cũng lập gia đình ở Cửa Hàn
và ca cho dĩa máy hát. Em lâu nay cũng
điếc măi. Có lẽ cũng sắp về Cồ Đạm. Giờ
thì họa may chỉ còn có bà Nghè Đồng.

Cô T... Ng... nói câu sau cùng, giọng
không có chút gì là đùa nghịch.

Tim đèn mâm thuốc đã đậm hoa.
Tiếng mõ canh hai phường Phù Hòa và
Phù Cát đã nhiều hơn là tiếng phách.

Một đêm mưa, chúng tôi đã coi cả
giọng cười tiếng hát của người đánh
ký nhẹ hơn một chén trà tàu. Nghỉ mà
lại thèm cái sâm chuyên ở nhà.

Từ đây tới ga cũng còn đến gần năm
trăm thước nữa. Còi chuyển tần ở Bắc
vào đã thét một hồi dài. Bất kể những
câu thúc giục của tôi, người phu xe Huế
vẫn cứ bước một và bình như đê trên
tức thêm, y còn dừng lại, cắp càng xe
vào nách, đánh diêm thấp điếu thuốc
giấy Cầm Lệ thở khói vào màn mưa
đánh phà một cái -- một cái bay là mấy

cái — rồi mới dùng định bước tiếp. Xe lăn vòng bánh chậm chạp và nhàn nhã như xe của một con bệnh già đi hit gió sớm. Tôi đã vui có một định kiến. Là không giục người xe Huế chạy nhanh nữa và lần này có nhỡ chuyến xe tốc hành thì liền tối đó tôi sẽ lón ngay về Bắc, chứ không ở Huế thêm lấy một đêm nào nữa để đợi chuyến tàu tốc hành đi Nam Kỳ vào ngày sau. Ngày này được đi vào bay là phải lòn ra, thời cũng cho là việc giờ. Lòng tôi đã hết bồn chồn. Tiếng loong coong lực lắc động xe kéo dập mạnh vào lòng tôi, chưa sẵn một trương trình mới; Không đi thì nhớ Huế... ! Thật là có sự hiền linh của quỷ thần nào đây mà tôi vẫn đi kịp chuyến tốc hành ngày này. Người bạn cũ của ngày mưa lạnh xưa, giờ ở Sài Gòn hẳn đã nhận được cái dây thép của tôi rồi.

Tôi đứng ở toa cuối nhìn Huế mất dần trong mưa mù. Gió trên đường sắt, tốc lực con tần gõ hết u uất nơi lòng tôi. Gió thổi mạnh trong tàu dày

tôi nên lấy độ lượng mà tiếp đón sự sống. « Chỉ những người quảng đại thì mới biết cái vui của sống và thấy cuộc sống là vui, hối người khách của một chuyến đi này. » Dịp bánh tết quay đều đều ru giấc lòng. Lòng tôi bay cao và tản rông. Lòng tôi say với Cao Cả và vui với Quanh Minh. Gió ơi ! giá những lúc ta đứng im trong không và thời gian mà lòng ta cũng được dễ dàng và hoan lạc như lúc đang trôi chảy này ! Phút này tôi thành thực yêu thích Huế — cái xứ Huế đã bỏ lùi lại sau viễn ảnh đường sắt bóng loáng.

Tôi phải cái tật chỉ quý yêu được trong tiếc thương, tôi phải cái bệnh là chỉ biết quý yêu trong khuất vắng. (Hình như tôi vừa lắp lại một ý cũ của tôi.)

Đã đến đầu đường đèo. Mây Hải Vân kéo dài ra vòi xám mịt mù. Âm thầm. Giời thấp, bè dâng cao. Rồi tuy đạo. Tiếng sắt thép trong ruột hầm lửa gió mạnh và sé ruột đá khô và gọn như sé lửa Tia lửa than tàu rụng đua nhau mà chết yêu trong cái tối thăm thẳm của

lòng hầm. Ra khỏi miệng phèu cửa hầm,
 thấy lại ánh sáng, lòng tôi vui sướng
 như được gặp lại буди bình minh đến
 cứu mình ngay sau suốt một đêm ngắn
 ngủ sắp đi vào tội lỗi. Tàu rời Lang Cô –
 ga Lang Cô có lẽ là một sự thực hiện của
 Bồng Đảo – tôi vẫn còn nhớ lại, không
 sai lấy một nét, cái bóng dáng là lời gầy
 mạnh của cô bé bán sò. Cô đã gợi đến
 hình ảnh một thiếu phụ Huế, đêm trên
 sông mưa ấy hò giọng mái đầy : « Kim
 Luông dây dọc tòa ngang.., í ..I... nước
 đollo về Sinh.., Đôi đứa mình Lỡ hẹn
 ba sah ..Dẫu có óc làm răng đi nữa.. i.i.
 cũng không đánh quên nhau ». Lòng tôi
 muốn bảo tôi hay là tí nữa gặp tàu
 tránh nhau ta lại quay về Huế. Huế vẫn
 dễ thương lắm. Mỗi tờ thịt người tôi bây
 giờ là một chữ của câu hò đờ. Ngâm bè
 gạc sóng đầu bạc vào chân đường sắt cứ
 lớp lớp không ngừng, tôi nghĩ đến linh
 hồn của mọi giọng hát, tôi nghĩ đến cái
 ma lực của giọng hò đờ nó cảm người
 ta như cái tiếng vô cùng của con nước

thủy chiều khi theo ánh trăng xuông mà dâng mãi lên. Hè bao giờ có dịp ghé Huế nữa, thế nào cũng phải ra Quảng Trị mà nghe hò mai đây cho thực thỏa thuê thì mới dành. Trời! đi đò dọc lên Chợ Huyện, liêng ngay đồng hồ và cuộn lịch túi xuồng một dòng sông Quảng Trị, cứ lầm lì dài trong khoang thuyền mà tầm tràn minh trong điệu hát có tiếng bơi chèo lúc lút miết mạnh xuồng dòng.

Những ruộng mía một vùng Quảng Ngãi trồ hoa lá lay trên cánh đồng gió đẹp như những ngọn cờ bông lau dắt Hoa Lư khởi nghĩa.

Bãi biển Sa Huỳnh đã có phút xui tôi bỏ con tàu Cát, giờ, nước và mây Sa Huỳnh có cái tài tình của một câu mời chào chợt nghe thấy trong mơ. Đây là một đất thừa lương lý tưởng. Ha chẳng nên dừng lại đây, hỡi người tình nhân muôn thuở của nước mây vời và giò trăng bãi! Vài nếp nhà tranh bách ú nằm rũ bên đường vắng. Thêm độ ít chục cái chòm

đò thạch tiêu đường « thuộc địa » số một nữa ; giờ đã tối sầm rồi. Tàu đem tôi qua hết Bình Định như là đưa mọi người đi lánh nạn. Chẳng ai rõ mình và mình cũng chẳng nhìn thấy gì ở xứ quê hương của nón dứa Gò Găng.

« Buồn như hai ngọn tháp Hời ga Vân Sơn, một буди chiều lữ hành ». Ga Vân Sơn mất trong đêm tối đã không cung lại cho tôi chút cảm tưởng đã ghi lại của ngày chơi năm trước.

Sông Cầu. Ga đêm. Vẫn vẹn có một khách lên tàu. Tôi nhớ đến ít câu dao vùng này. Một đoạn đối thoại của mục Ly Biệt :

« Ngồi buồn cuỗn sáo nhỏ say
Biết nhau chưa được mấy tăm ngày đã xa
Xa nhau như rửa răng đánh
Xưa kia vit ngọt vin ngành tại ai ?
— Xưa kia vit ngọt tại ta
Vin ngành tại bạn, có xa tại Giời.»

Và thứ nhất là câu này : « Bạn về biết
lấy chi dứa Bóng ba đường ngộ mít dứa
đường non ». tả cái chí hữu tình trong

một cái vô tình của đôi người tình vào một buổi đưa nhau. Biên đại khai ra mấy câu dao này, tôi đã nghĩ đến những nhà sưu tầm câu hát góp in ra thành sách ở ngoài Bắc. Các người hãy chịu khó vào đây mà làm cái việc copping nhất. Mê thiên lủng ra đây. Cả những người làm tự điển Việt Ngữ nữa. Đất « dâng trống » xúc tích như thế mà chẳng mấy ai buồn khai khẩn cả.

Lòng tôi dâng đặc. Tôi muốn đi nǎm. Lần về chỗ cái người hành khách độc nhất vừa ở Sông Cầu lên — mà giờ tôi mới nhận ra là một người đàn bà còn trẻ — đã nhích xa ra già chỗ. Nàng và tôi đã nói chuyện với nhau bằng mắt. Khỏi Nha Trang, tôi muốn ngả lưng mỏi. Nàng cười, cho tôi mượn vạt áo lụa phủ lên mặt. Bụi than đá nhiều lắm, người đàn bà ạ. Và đêm dài, mà đường lại còn xa.

Nắng Nam Kỳ gợi thèm đến cái nắng hanh những thị trấn Bắc mới xa có ít ngày. Gần kề « Cục Ngọc Cực Đông », cảm tưởng của người viễn khách lúc này là một cảm

giác nhẽ nhại. Nóng như trong lòng chảo núi tháng tư. Gỗ toa xe cũng vã mồ hôi. Tôi đây nấp va-ly, bỏ luôn hồn thơ vào trong ấy, khóa chặt lại. Hà hà, Sài Gòn . . . « dễ ở khó về ; trai đi có vợ, gái về có con » Chúa nhảm.

- Nhà tôi mấy hôm đợi anh mãi !
- Chị Hoàng ! Chờ anh đâu ?
- Nhà tôi đi Lục Tỉnh từ bữa kia. Đi mần công chuyện mà. Đi Cần thơ.
- Đi mần công chiệng ? Đi Cần Thơ ?

Tôi đưa nhại lại giọng Hoàng Phu Nhàn chưa dập đúng được hết thõ âm địa phương

Nhà vợ chồng Hoàng là một cái gác hướng sang chợ Bến Thành,

— Ấy nó cứ ầm như thế cho đến bốn giờ sáng. Khô lám anh à ! Thế còn anh hồi gần đây ra sao ?

Tôi cứ muốn bắt cười, mỗi lần có người thân hỏi thăm mình về sức khỏe và cách thức làm ăn. Khó nói quá. Đã ngồi vào mâm rồi mà bà Hoàng vẫn còn nhắc lại câu hỏi. Tôi đành phải trả lời :

- Về cái phần tôi hồi gần đây, muốn

sống cho đúng cái mục ăn tiêu của mình thì tôi phải soạn đến Bách Khoa Tự-Điển mới xong chi ạ! Một mình mình soạn không. Làm việc có phương pháp với chẳng có phương pháp thì ở xứ này đã có gì là hơn thua, hở chị? Hay dở ta không cần đến vội; hãy biết là như thế nó tránh được cái sự chia năm sẻ bảy đi. Ra sách bảy giờ, phải tính hàng pho thì mới nói chuyện được chị ạ. Nếu không được thế thì chỉ còn một cách là đi làm thầu khoán vật. Rồi Ông Giời mà thường lại cho trúng một cái thì, a, phải biết, ta lại mở tiệm xuất bản để gạt công người cần lao chân chính.

— Sống, giờ thấy mệt quá anh ạ. Mà anh thì cứ đùa mãi với sự sống. Vợ chồng tôi hồi gần đây quần quá đi thôi.. Người ta lúc ta óc ốm yếu thường hay kêu rằng đang ở vào thời kỳ sự đêm sương tối. Vợ chồng tôi, trái lại, thấy ánh sáng là đã sợ rồi. Một giờ sắp mọc là hai vợ chồng lại tản đi mỗi người một phương để tránh những người quen đến tìm mình. Tôi đến mới lại lần về. Ở cạnh chợ Úa

nhộn như thế cả đêm cho tới sáng mà cũng phải cố nhắm mắt được giờ nào là yên giờ ấy. Tiếng máy các xe hàng về các miền Lục Tỉnh mà bắt đầu nở là đã chồm cả dậy đè mau mau mà bỏ nhà. Vợ chồng tôi sợ ban ngày như thế cũng mất đến mấy tháng.

— Còn như giờ ?

— Như giờ thì Hoàng và tôi phải bỏ Sài-Gòn xuống làm ăn dưới Hậu Giang vậy. Nhà này thuê đã giả người chủ từ mấy hôm nay rồi đây chứ. Vì có anh nói sắp vào nên tôi mời ở thêm lại mấy ngày nữa để chờ. Hoàng không thể đợi thêm anh được, nên đã mạn phép anh mà đi Cần Thơ trước. Còn anh và tôi thì ngày mai cùng đi. Đấy anh xem bồ bịch hòm xiềng đã sẵn sàng cả rồi, cứ như thế mà xếp lên mui xe thôi. Ủ, có anh vào, tôi nó cũng yên tâm. Nhà tôi đi trước rồi, mà anh lại không vào nữa thì một mình tôi, những lúc xe đỗ, rồi cũng đến khὸ với cái bọn đỗ này. Được cái không có sập gụ tủ chè, nó cũng đỡ bọn.

— Thế nghĩa là tôi « lặn lội » vào đây để hộ tống một đám dọn nhà...

→ và.. . rồi ở chơi luôn với vợ chồng tôi, và lại còn phải ăn Tết ở Lục Tỉnh nữa kia. Anh không được đòi về. Mà nhà tôi đâu đã dễ cho anh về ngay. Chiều nay và sớm mai anh đi thăm lại Sài Gòn đi, viếng chõ cũ, cành cũ, người cũ đi, rồi trưa mai cùng đi luôn Cần Thơ.

Hơn mươi năm trước tôi đã là một người khách nhặt thời của Sài Gòn, cõi tay đeo chiếc vòng mạ kẽn, hành lý đều có dấu, đi từ Vọng Các về tới đây, mỗi bước đều có người chỉ dẫn kỹ càng, không còn lấy cơ gì mà nhầm lộn được nữa. Tôi đã ngủ li bì ở một căn phòng sát bến, ngày ngày đánh đu lên những con tiện băng sắt, hỏi những ông khói tàu bè ngoài xa xem bao giờ thì tôi mới được xuống tàu về Bắc. Rồi lúc được bỏ Sài Gòn, tôi lại là một vị khách của con tàu Chantilly.

Bây giờ qua Sài Gòn, y theo lời Hoàng Phu Nhàn, tôi đi viếng lại cảnh cũ.

Qua phố Lagrandière, tôi bảo người phu xe hãy đạp rất thong thả để cho tôi đủ thời giờ ngâm lại cái tòa nhà ấy có tấm cửa sắt im lìm nặng nề và bền dẫu có bốn cái lầu lõ-cốt trang nghiêm u uất. Tôi đã tạt vào Thư-Viện. Đã vào đến thư viện là không còn ai là buồn và sợ nữa. Tôi lấy cuốn *Le voyage* của P. Morand để dõi chiếu lại với lời sách một vài ý luống mà thấy trong khoang toa xe mây hôm vừa rồi.

Tôi đến, ga Sài Gòn trước giờ tàu tốc hành chạy về Bắc, lại vẫn là nơi đẹp nhất của thành phố phương Nam này. Chợ Bến Thành, vườn hoa Bùng Bình đâu có bằng được. Cả Phú Nhuận nữa. Tại sân ga, tôi phải để ý đến bóng dáng một con người đã đứng tuồi. Trong con người ấy, đánh chết cũng sẵn có một cuốn tiểu thuyết. Trời, làm sao mà cưa dời được đầu người đó ra mà đọc. Tôi phản nản quá cho tôi vì một cái thói quen của nghề. Anh bạn cùng đi xem tàu lấy mắt chỉ cho tôi người đó — anh tướng tôi không để ý

đến — và nói :

— Người ngoài ta đây. Ở đây đã lèn năm. Ông ta định vào đây tìm vàng nhưng đã nhiều lần ăn phải của dor và hây giờ thì nhà ông là một goc phản kê ở cái tiệm đường Chợ Cũ. Chính ông đã phát minh ra sự thực này. Là suốt mươi mươi hàng mồ mà nơi nghĩa trang Bắc Kỳ nơi lòng các mồ chí, không có tẩm nào bảo rằng người nằm đấy là già cả. Toàn sáu sáu bốn mươi thời a Đêm Sài Gòn rồi đè mà về. Ông Giời bắt tội đè giữa đường đứt gánh thì phải chịu nằm xuống vậy chứ có ai muốn chết già ở lại đây bao giờ. Câu nói ấy của ông đã gần có cái giá những chữ lịch sử ? Bây giờ, cứ mỗi chiều, ông áp bê ri-lip độ hai chục vien sái, rồi ra đây xem tàu chạy ra Hà Nội. & do nó dở nhớ xứ Bắc. Đây là một con rết của lòng sầu xú. Đây là một người hành khách trong vọng tưởng.

— Giá chúng mình mà phong lưu thì cũng biến ông ta một cái vé Sài Gòn — Hà Nội.

— Rồi. Đã có mấy người phong lưu hơn chúng ta tìm biếu ông tấm giấy đi tàu về Bắc rồi. Nhưng ông đã đưa tấm vé đó cho các chủ tiệm ở đây. Con tàu về Bắc đẹp thật, nhưng những cỗi đồng, lòng cối thuộc đèn bóng, bóng đèn nhu mài i hổ, lại vẫn cứ là đẹp hơn. Ông nhớ xứ Bắc nhưng ông lại cũng nhớ cả Thuốc phiện. Thành ra giờ, cái tiệm Chợ Cũ đã là cái quê hương thứ hai của ông. Và nhớ đất Bắc, cứ mỗi tối, ông lại ra đây mà nhớ xuống như thế thôi chứ không chịu đi. Mà có lẽ ông cũng đã nghe chín. Người ta áo gấm về quê cũ, chẳng bao giờ mình lại đi đưa một ngọn đèn dần lạc lù mù về làng.

Lòng tôi đậm đậm như lòng nước mội con sông dài. Trên mặt tôi có một taint ^kthâm kịch của ^gĐịch ghép thêm vào cái bi kịch của ^gTuốc Phiện, thuốc phiện mà ít lâu nay tôi đã tình phu, tôi đã biết sợ — bởi vì cuộc hôn nhân nào mà chẳng là đáng sợ.

Tàu Bắc chạy rồi. Đứng trước cửa ga,

tôi hit cái mùi phân ngựa ngào lắn với mùi mồ hôi và nước tiểu ngựa. Tôi cứ dùng dâng mãi với cái mùi này nồng nàn ở cửa ga san sát mấy dây xe thồ mộ. Lúc này tôi không chia mùi ra là thơm hay là không thơm nữa. Đối với khứu giác tôi, cái mùi nước tiểu ngựa bây giờ có thể đáng để tâm ngang với một mùi nước hoa cất chẽ riêng của một cái tình chăn gối – mà không vợ chồng – thoảng gấp bay đến để kè lại chút chuyện ngày xưa cũ. Cái đáng quý của mùi là ở chỗ gợi được cảm.

Cứ thế cái mùi xe thồ mộ đã theo mãi tôi xuống đến Hậu Giang suốt một ngày sau, ngồi trên chiếc xe hơi đón nhà của Hoàng Phu Nhân.

Trên con đường dài, Phu Nhân luôn tay mở nút lọ dầu cù-là.

— Mùi ét-săng lợm lắm, anh ạ. Không rõ anh thích nó vì cái lẽ huyền bí gì mà ca ngợi được mãi.

MỘT CÁI TẾT VÔ DUYÊN

CUỐI một năm ấy, tôi cũng bắt chước lối nhà buôn tinh lại số hàng trong một năm thì tôi thấy thua lỗ nhiều quá. Sự mất mát về tinh cảm thực không còn biết lấy gì mà lường được.

Ngồi ở tòa soạn tờ nguyệt báo ấy như một thằng bồ din, tôi đã lấy bọn túu đồ ra làm tri kỷ và tìm những con hát để cầu thân. Lá cây một phố hàng Đãy đã rụng mõi. Năm hồ hết. Bỗng có người đánh xe đến đòi mua một cái truyện ngắn để góp vào tập báo đầu xuân tôi. Lúc giao hàng người mua chê rằng hàng không được hợp với cái thị hiếu của khách quen. « Hàng của ông buôn tệ quá. Mà khách của tôi đều

là cầu mua vui. Năm sớm ngày đầu, sợ hãi may. Nhưng thời chô buôn bán đi lại với nhau đã lâu, tôi cũng cứ lấy. » Nghĩa là người ta cứ in. Và riêng về phần lòng tôi thì cái tết bê trong bài đoán thiên số báo Tết đã vẽ trước được ít nhiều cái chẳng vui của tôi vào mỗi Tết năm nọ tiếp theo vào ngày ấy.

Cái năm âm lịch ấy, y như là không có tên gọi, độ số chẳng cần tính theo sự gấp gỡ của thập can thập nhị chi. Năm ấy là Canh Tuất ? là Tân Hợi ? là Nhâm Tý ? là Quý Sủu ?

Cậu Tám có cần biết mà làm gì. Cậu Tám chỉ biết năm ấy là năm vô duyên. Vô duyên từ giây phút giao thừa, vô duyên kéo qua ngày khai hạ và cứ thế mà ăn lấn mãi xuống ngày Nguyên Tiêu và mãi và nứa.

Cái năm gì ấy, năm mở đầu toàn bằng những trò vô duyên. Những cái vô duyên vốn không nên deo lấy một cái tên. Cậu Tám cũng nghĩ vậy nên mỗi khi còn nhắc đến truyện của ngày vô duyên cũ,

cậu chỉ lấy tuổi mình ra mà gọi năm — lấy ngay cái ngày tháng của thân thể mình ra mà điền vào Thời Gian.

« — Cái năm em ba mươi, sao mà vò doan đến thế. Thậm vò doan. Những cái triệu xui, gở và ác của một năm mở đầu đã như thế, thấy mà hãi quá, các bác à. Năm ấy, em tưởng không tài nào đi tới cho trọn thấu được cái tuổi tam thập. Vậy mà cái năm vò doan ba mươi ấy cũng đi qua xong suối cả. »

Cậu Tâm vốn kiêng chữ duyên đọc cạnh ra doan. Có một người con hát tên là Duyên. Người ấy về già đã là mẹ cậu Tâm. Mỗi lần máy môi đọc kiêng tên mẹ trong hai cái môi cậu Tâm đỏ như son — đỏ như trái hồng chứng chín mọng — lại càng có duyên tệ. Nhưng cái duyên ấy chỉ là chút duyên của người mệnh mỏng, mỏng y như cái đời mẹ cậu. Và con người ta chẳng cứ gì phải hẳn là đàn bà mới làm được người bạc mệnh.

Nhưng bậc đại khoa có tuổi nghệ đến tiếng nói cậu cười cậu Tâm lại nhớ đến cà

một thời thi cử của mình, những lúc chờ ngày nhập trường, những lúc yết bǎng rồi, thường được nghe mẹ cậu Tám dàn hát gõ phách ở các tỉnh ấy. Cũng cái giọng ấy và lối cười ấy.

Có những bậc đại khoa nhớ lại hồi đó cậu Tám mới có dùm tuổi đầu, nắm lọt vào lòng mẹ, nghe mẹ gõ phách đến đâu là cười sảng sặc đến đấy. Mẹ hát đến bài Tỳ Bà cho quan khách nghe, cậu Tám òa lên khóc, rồi nhìn làn khói thuốc lào, thuốc lá của các gian nhà truy hoan, cậu lại cười và giơ tay đòi bắt những cái vờn tia khói.

Đứa trẻ đa cảm tuy là con con hát, nhưng lần lần lớn lên, cũng được học sách thánh hiền, học đến đâu thì nhớ như chôn chữ vào bụng. Rồi cũng thơ, cũng phú, ngâm vịnh một cách tao nhã chẳng kém gì các bậc thiếu niên tài tuấn của cái xã hội lương thiện thời bấy giờ.

Nhưng rủi thay, có tài học đến thứ nào đi nữa, cậu Tám cũng chỉ là con một người con hát — nghĩa là khi người ta là

con cháu cái đám xướng ca thì không còn có đường tiến thân nữa. Mặc dầu cậu thông minh, tài tuấn, kinh sử lầu năm xe, xã hội bấy giờ cũng chỉ liệt cậu vào ngang hàng con cháu thằng mõ. Việc trường ốc Triều Đinh, có bao giờ người ta được thấy con phuờng hát, con thằng mõ được đeo một cái ống quyền mà nhập trường. Khổi người râu râu chắc lưỡi hộ cho Tám. « Cậu ta có được đi thi nơi bằng vàng thì chưa chắc nhưng nơi bằng phẩn thì sao cũng phải vớ được một cái gì. »

Xã hội đã chặt chẽ bắt công như thế, không cho cậu Tám tiến thân bằng cái vốn sách đèn mười năm thi lần lửa và lay lứt sống mãi đèn cái năm ba mươi tuổi ấy, cậu Tám đã làm những gì để đánh dấu mình vào cuộc đời bấy giờ ?

Cậu Tám đã làm toàn những việc mà những người đứng đầu đạo đức không tha thứ. Cậu đã đem cái thân phẩn vất ra mà đánh đòn lấy nhầm tản. Cái huyết tinh của mẹ chừng như đã định đoạt nhiều cho những đoạn đường lang bại kỳ

hồ của Tám.

Mẹ Tám hoàn lương đã lâu, thấy con bỏ nhà mãi, nhiều đêm nhớ đến chuyện phách đàn ngày cũ, chỉ biết có than thầm với một cái nếp nhà rộng vắng quá. Vắng nước tù ở một cái ao trước nhà cũng rộng vắng quá. Ao sen nở mà sen ao lại tàn. « Thằng Tám nó yêu cái giỗng bạch biên này lắm. Lúc không có sen trắng thì ước ao. Lácmẹ chắt bóp hòn gần được, dựng nhà, đào ao thả sen cho con chơi, thì con đi, con lại đi xa. Năm ấy và năm khác. »

Người mẹ nhớ con và khóc mỗi mình. Một lần nòng nọ, thấy sen trắng nở kín cả mặt nước ao, mẹ Tám tiếc của trời, bởi chiếc thuyền bé con lách vào đám hoa lá cốt bút lấy hết nhụ hoa về ướp chè để dành cho cậu Tám ít bình và còn thừa thì đem bán cho cái đám phong lưu hành lạc râu tóc phơ phơ thỉnh thoảng vẫn còn tìm đến để hỏi bà một vài lát hát thất truyền.

Mẹ Tám đã thảng thốt rồi lo phiền khi nhặt ra rằng cả một ao sen trắng đã biến ra thành hoa quỳ, nghĩa là thiếu hẳn cái từng bách diệp cánh lăn tăn ở trong. Thế tức là vẫn nhà sắp xuống đến nơi. Mẹ Tám bắt giặc lại nhớ đến người chồng bắt bệnh lúc nằm xuống ao sen nhà chồng cũng ngả ra ao quỳ.

Bà liền nhẫn nhời khắp kẻ chợ thôn quê tìm cho được cậu Tám. Tám đã trở về.

Hai mẹ con mỗi ngày nửa vò rượu đậu; buổi sớm, buổi tối, lặng nhìn nhau, một chén lại một chén. Mỗi ngày ngoài chén rượu, cậu Tám lại còn kèm một chén thuốc láy thứ cỏ khô thả hơi sương mà làm thang bỏ thêm vào. Trong một cái nhà, có một người ôm kề cũng còn hơn là không có bóng người. Cái bạn bức rộn ràng của việc thuốc thang vẫn còn quý hơn cái yên tĩnh của thui thủi.

Mãi đến cuối tháng chạp, cậu Tám mới thật là khỏe. Nơi lung bàn tay thấp bút đã hết hẳn những cái gân xanh ngòe ngoèo.

Mẹ Tâm thấy vui trong lòng, đem cỗ phánh mốc ra sóc thử mấy khóm. Cậu Tâm lại cười như thuở bé và cũng ngâm theo một bài phú. Chưa lúc nào mẹ con được hèle đến như thế.

— « Trình đè đẻ mừng cho từ nay có lẽ con không quặt queo nữa. Tiếng con ngâm phú ấm và tròn đến như thế, đẻ cũng hiều đầy chứ, Ba năm nay con thắt thanh, tiếng cứ đặc chìm hết cả ; thỉnh thoảng vui anh em cất tiếng hát một câu, thì giọng Bắc dỗ mà hát được. Chỉ toàn hơi Nam thôi... Từ bây giờ con ở nhà luôn với đẻ cho đẻ đỡ buồn. »

Mẹ con lại càng chén tặc chén thù,
Như thế rồi năm hết.

Buổi trù tịch ngồi chờ lúc giao thừa, cậu Tâm đợi những triệu eát tường đến cho thật nhiều đè đánh dấu vào cái tuổi sớm mới chỉ một lát một chập nữa là đã ba mươi.

— « Thủ xem cái năm nay rồi có khác mọi năm không ? »

Cả một buổi sớm mùng mót, Cậu Tám chờ mãi đợi mãi vẫn chưa thấy gì. Cậu nhìn trời, cậu lắng không khí Không khí chỉ sắc nồng một mùi khói diêm sinh của bao nhiêu vạn pháo hàng xóm đón mùa tươi.

Chưa muộn xuất hành vội, chưa biết nên làm gì, cậu hãy lấy một mảnh hoa tiên lòng chứng vẽ dời chim yến ra đè khai bút.

Những dòng chữ vẫn sương kính và đôi ba chữ lại có cái chấm thủy rất hồn hậu. Cậu Tám nghiêng đầu ngẫm nghĩa lấy làm bằng lòng và tự ước thầm. « Nếu đời mình từ cái tuổi tam thập nhì lập này trở đi, lúc nào cũng được tươi sáng, tròn như những con chữ khai bút này. ! »

Lòng khấp khởi, cậu ký tên, kèm thêm cái tên hiệu Ấu Mai Bát Lang. Bỗng quản bút chực khỏi tay cậu, nhấn mực xuống xóa nhèm cả mực chữ cuối cùng. Cậu Tám biến sắc mặt. Va lăng lẽ buồn như một kẻ sĩ ngồi dưới một cái lều thi một khoa cuối cùng của buổi giao thời, nhở làm tối mắt quyền bài. Việc khai bút đầu năm đã đem lại một cái buồn vô hạn và một

mỗi lo nghiệp dĩ

Cậu Tám đâm buồm ấy vào nửa vò rượu.
Tàng tang chén xuân, cậu bồi đèn hoa.
Thì mấy chậu lan Trần Mộng đã bị rệp
đốt từ những năm ngoái, bao nhiêu
cuống rờ đều nẫu cả. Cậu ngán ngần nhìn
lũ lan gầy phô những cái màng boa leo
tóp và thảm xỉ. Chênh vênh trên cái vườn
lan xấu xí là một cái chuồng chim bồ câu
lỗ nào cũng trống trải.

« – Cái dàn chim, hồi tháng tám, chẳng
hiều tại sao mà chúng rủ nhau bỏ đi
hết, mẹ lo quá. Lại cái diêm không hay
gì đây »

Cậu Tám suy nghĩ nhiều về một câu của
mẹ nói vào khoảng năm ngoái, lúc cậu
uống thuốc ghé bồ.

Thế là cả một ngày mùng một, hai việc
bút và hoa đã làm cho Ấu Mai Bát Lang
lo nghĩ hết cả một đêm xuân.

Ngày mùng hai. Cậu Tám xuất hành.
Làng vốn có sông bọc ở phía dưới, ngăn
làng với Chợ Huyện ra làm hai. Cậu
Tám chọn phương hướng, thấy phương

Nam là lợi. Đi về hướng Nam tức là đi Chợ Huyện và phải qua con đò ngang bến sông Dầu. À, thời phải rồi, cậu sẽ bói đò. Những người buôn bán sau một năm ròng phát tài, thường nhắc đến những lúc bói may được gặp chuyen đò lúc đầu năm.

Cậu Tám tiến ra nèo sông, chưa đến bến, nhìn qua cái lô hồng nơi lũy tre to bằng cái nòng, cậu đã thấy một con đò lù lù ra giữa giòng, trên man đò, vó khõi là áo đỏ, quần đỏ, khăn đỏ. Thế là định bói đến đò thì lại được nhỡ ngay đò. Đã sướng chưa, hờ Trời !

Rượu li bì, đem cái dờ tinh ra mà nhâm với cái dờ say, cậu Tám chẳng còn biết xuân này là của ai nữa.

Cách đấy ít ngày, một đêm thức giấc, cậu vắng nghe thấy tiếng trống tuồng. Sầm sủa khăn áo, cậu lắp tèn, lẩn theo tiếng trống mà tìm tới đình làng, đầu bõc mạnh những hơi men. Làng hát bội, tội gì mà không bói. Tích tuồng Sơn Hậu dẽ nhỉ. Sao lại dẽ nhỉ ? Thường niên, hát khai

xuân, thiên hạ ai cũng cho hát Sơn Hạ
đệ tam kia mà? Lớp đệ tam là lớp phục
quốc, nhà Tề trung hưng, ngay sẽ thăng
gian và những người đi bói tuồng sẽ không
lo sợ diềm xấu.

Nhưng thôi, cậu Tám cũng cứ vào.

Trên sân khấu, có một người cự
đầu chùm cái áo bào xanh đang cầm một
ngọn nến vừa bỏ bộ lom khom, vừa ngâm
một gương bạch :

*« Vật vờ cùng gió than cùng gió
« Phảng phất nương mây tựa với mây. »*

Đấy là một giọng tuồng ngâm giống một
và cái làn hát ấy gọi là « giọng hát ma ».
À, vậy cậu Tám đã bói tuồng vào giữa
lúc Khương Linh Tá bị ông Tạ Ôn Đinh
chém mất đầu. Cậu Tám thèm một cái mặt
đỏ của một vai tuồng trung nghĩa. Số
phận đã cho cậu bói đúng vào một chiếc
bào màu xanh lè không có đầu. Ruou
ngãm, gió đêm xuân thôi lọt vào ; ngọn
đèn treo giữa đình và ngọn nến nơi tay
Khương Linh Tá đều nháy theo một nhịp.
một chiều. Cậu Tám thấy lạnh Trên sân

khẩu bày cảnh đèo khuya. Kim Lân đang dẫn bà phi tị loạn, có hồn Linh Tá hiện về dẫn lối. Cậu Tám bỏ ra về. Mấy câu hát sầu thảm ròn rợn còn đundi theo.

« — Đường tắm tối, tiếng ai trong ấy ?

« — Anhơi, Linh Tá em đây.

« Em nay đã về miền dị lộ... »

Từ buồi xem tuồng ấy, cậu Tám dám ra ôm lại. Nhờ đến một ngày Tết Nguyên Tiêu, cậu cũng cố lẩn ra chùa làng để xin một quẻ thẻ bình yên đầu năm. Cậu thành kính quỳ xuống trước bàn thờ, xóc thẻ lâu lắm mà không thẻ nào rớt xuống chiếu. Cậu lắc mãi ống, lắc mãi ống. Nén nhang cũng đã cháy hết một nửa. Sau cùng cậu Tám bình thản lại không xóc nữa, đành rút lấy một trong số sáu chục thẻ nơi ống vậy.

Không hiểu tại sao, cậu lại rút phải một cái thẻ không có số hiệu quẻ bói.

Cậu Tám đã nhất quyết bỏ nhà, vào một ngày của tiết Lập Xuân, định lại đem cái võ duyên của mình mà đòi

thêm lấy nốt cho giang hồ vậy.

Đi khỏi làng đã xa, cậu đã phải dừng lại bên đường một lúc lâu. Vì nơi cái chổng tre quán nước ngã ba ấy, lại có một cù thủy tiên — lá ngõng vượt lên trên một cái bát đàm. Nép bên khóm hoa vô duyên đặt không xứng chỗ là một bà già mặc cái áo cánh bông rách ngồi sơ lạnh bên chiếc chổng vẹo.

BÀI TỰA « ÂM SÔNG TÔ » (*)

*** Lời nhà xuất bản — Tập bút ký « Âm sông
Tô » vì vài lẽ, chưa in ra. Hãy tạm trích đăng
một bài tựa.**

tặng Thạch

THẦY mẹ tôi dựng cho tôi một nếp nhà
gạch (1). Bên Sông Tô. Trên một thửa đất
nguyên quán.

Đời sống gửi vào đời tôi một người bạn.
Bảo (2)

Bảo, người tài tình, gắng sống, chịu
thương chịu khó làm người, dám hoài
bão việc nhơn, chỉ phải cái tội ít gặp may.

(1) « Nhà Nguyễn » — Mùa Gặt Mới số 2 — Tân
Việt 1940

(2) « Chiếc lư đồng mắt cua » Hàn Thuyên
1941.

*Mặt Bảo lộ những khồ hạnh về vật chất
lòng Bảo chưa những chuyện ngâm ngùi.*

*Nếp nhà ở tả ngạn sông Tô Lịch vẫn để
không dấy. Bụng tôi vẫn cứ để ở những
đâu đâu.*

Hãy thong thả.

*Ở những phía ngoài xa khỏi khu nhà
mình, kè từ một cái lường ngắn, một cái bờ
dậu trờ đi, cuộc sống còn nhiều cái đáng
lưu tâm hơn, đáng bàn hơn. Tôi tưởng còn
lâu nữa tôi mới về ở ở ngay dưới mái nhà
của tôi bên sông Tô Vừa tưởng thế và vừa
hiểu luôn rằng như vậy là tôi đã phu
nhiều đến sự săn sóc, đến lòng gây dựng
của hai đảng tác giả đời tôi.*

Chao ôi.

*Lởp ngói mới mái nhà bên sông ngả
màu thời gian. Xuống màu vỏ già đượm,
nhuộm mình mốc ; gốc chuối do tay mẹ
tôi giồng lúc dắp nền sân sau nhà đã nhiều
lần trồ hoa bao tử đã thành hẳn một bụi
to đến ba bốn người ôm. Cái đứa con
hoang toàng vẫn chưa chịu xoay về để*

sông cái dời nửa thành phố nửa thôn ở. Tôi vẫn mê mải với gió nắng chôn xa xôi và thứ nhất là với cái ánh sáng ma túy chở dể đờ, sông như một trẻ không nhà, không gia đình, giang hồ ngay giữa Hà Nội.

Đè chiều lòng mẹ và, chẳng nhẽ bỏ nhà không đầy cho mưa gió ngoại ô lộng thổi mãi vào, tôi đã đồng ý với mẹ tôi tìm người cho thuê ở, chỉ dành lại một trái buồng bên làm nơi chứa mây vặt hành lý cũ mỗi, một tủ sách mốc và ít trống báo cũ. Mẹ, vốn người cơ chỉ, thấy nhà đã có người tìm đến thuê ở, nhận trường hàng năm, cũng hơi lấy làm yên dạ. « — Vả lại, như thế, trong nó không đến nỗi thành ra nhà hoang, anh cả à. »

Dùng đến cái địa vị tôi là con trưởng trong gia đình ra mà' gọi, tức là mẹ tôi buồn chán cho tôi lắm. Mỗi lần ở Thành ra Hà Nội sắm giỗ hoặc góp họ, tiện chuyen về thăm nom nếp nhà bên Sông Tô, mẹ con chỉ giáp mặt nhau trong khoảnh khắc mẹ tôi lại ray rứt rồi hờn mát và tôi thi lại lánh ngay đi — thày tôi vốn thường nói

rằng mẹ tôi và tôi là hai tuổi không hợp nhau.

Mẹ tôi cứ nói. Bao giờ cũng vẫn cái lối dạy nghiêm ấy : — « Khô lâm anh cả a. Anh cứ lồng lộn mãi lên về nhà với cửa. Cả bỏ anh nữa. Đãy, nhà. Nếu biết cơ sự như thế này thi tôi đã... ». Nhưng câu bù lu bù lợa thường bị bỏ dở và mẹ tôi chấm hết câu ngay bằng một cái khăn vải bông dở đưa lên kẽ mắt.

Nhưng, lúc mẹ con chia tay, giọng mẹ tôi đã nhẹ hẳn xuống : « — Tuy nhà có người ở rồi, nhưng người ta là người đi thuê thôi ; anh nên bắt sự bè bạn đi một tí, mà thỉnh thoảng về qua xem nó đột兀 như thế nào. Ai trong cho. Miếng kính ti hon, thế mà giờ là đồng bạc đầy anh a. Tôi có chia được tôi ra làm hai đâu mà vừa trong nom được cả trong ấy và cả ngoài này nữa. Cóm cóm mãi. Khô lâm, anh a... »

VÀY mà một đêm mưa nặng cơn, tôi đã
đột ngột về ở ngay ở nhà bên sảnh. Tôi
đã đem một người bạn về ở tạm đây. Bảo,
người bạn tôi nghiệp, đang cần một chỗ.

Thật vậy, không có Bảo, thi riêng cái
thân tôi, tôi không rõ đến khi nào tôi mới
chợ là đã đến lúc nên về ở ngay dưới mái
căn nhà của Đăng cha mẹ dành cho.

Chiếc nhà gạch hình vò đặt ngang, đã
cho thuê mất cái thân rồi, còn thừa lại cái
chuồng tức là trái buồng còn hướng về
phía tây.

Cuộc sống cầu rầm bắt đầu. Nơi mai
 tay chại chại, từ vè ô, thấy nó đậm đậm
 một mùi u òn, hai đứa tôi bèn gọi luôn
 là cái am. Thời khắc ô am quyết nặng
 nợ một kiếp người. Tơ nhện bó, chẳng
 buông quờ. Đèn lụt bắc, không khêu.
 Hương ngã, không nỗi. Cóng gạo ít được
 đầy, và lúc đầy thì lại mốc. Mỗi ngày
 mặt giờ tắt, Bảo và tôi lại đặt lời cầu
 nguyện vào một ngày tiếp. Chẳng lẽ đời
 sống hai đứa tôi lại chỉ có thế này ở đây
 cho đến mãi mãi thôi. Bấy giờ về tiết hè.
 Thế mà nhiều đêm hết hương nến, khan
 cạn dầu mỡ, am vắng lạnh như mồ
 hoang.

NHƯ thế được ba giảng

*Kế đến một đêm về sáng một ngày
nguyệt tân tháng đầu thu, Bảo ĐI.*

Tôi cũng ĐI THEO

Tại am bên sông, người bạn và tôi đã ăn ngủ thắt thường, ở với nhau chẳng khác đôi nhân vật chính trong xã hội hỗn độn của một thứ truyện trường thiên thảng hổt. Phút nào tôi cũng như đón chờ một cái gì ghê buồn thế nào cũng phải xảy đến chẳng chóng thì chầy. Nằm ugú'a nhìn xuống cái trần nhà. Nhiều hôm tôi tự bảo tôi rằng này này, nó sắp xâm xuống đây này. Sự bất định của tâm thần đã là một thói quen. Ai động bước vào nhà là thở hít đã đậm mạnh.

« Am Sóng Tô » là những trang ghi lại những cảm giác và cảm tưởng hoang mang kinh loạn của suốt một thời kỳ khủng hoảng ở nơi mái nhà xép hướng về phía tây -- và, trong những ngày tiếp theo.

Đây cũng là một lối Day Sương-Ký — có đoạn hậu bi thương — của một lứa đôi dàn ông, chép lại truyện hai người sống với nhau trong ngờ sợ, tin thương, thấp thỏm, nhọc nhằn và đau tủi.

Tôi vốn là một người thèm sống.

Tôi đã được sống như sẽ thuật lại đây. Tôi không dám chờ mong truyện đem lại cho tôi cái giá cao của một người viết tiểu thuyết lành nghề. Vì cuốn sách tự sự đây có đủ giá về văn phầm, và cái bi thuật kè truyện để được đứng vững trong thế giới truyện, thì tất cả những vẻ vàng đó, tôi xin nhường cả cho những việc linh tinh đã rὸn rập đèn két thành, ái tâm sự con con của một người, — của tôi. Đời sống chúng ta có rất nhiều động

tác và biến cõi, tự nó nguyên đã đủ chân già kỲ THÚ rồi, không dễ thừa chồm cho nghệ thuật của người đem kè lại chen lén vào, được nữa, khi chép đến.

Viết « Âm Sông Tô », tôi muốn bắt trái lại câu của Oscar Wilde chủ trương rằng « cuộc sống bắt chước nghệ thuật nhiều hơn là nghệ thuật phỏng theo cuộc đời ».

Âm Sông Tô chủ nhân kính đề
Làng Mộc 1941-1943

TÙY BÚT II

MỤC LỤC

Phu Nhân họ Bồ.	9
Chiếc va-ly mới.	35
Một lần đi thăm nhàu	73
Một cái tết vô duyên .	101
Tựa « Âm Sông Tô »	119
lục .	133

« TÙY BÚT II » KIỂM DUYỆT NGÀY
30-3-43, ĐƯỢC PHÉP IN LẦN THỨ
NHẤT SỐ 224 NGÀY 21-4-43, IN
XONG NGÀY 10-6-43 TẠI NHÀ IN
THỦY-KÝ GỒM 1050 BẢN — 1034
BẢN GIẤY TA TRƯỚC SỐ TỪ 1 ĐẾN
1034; 16 BẢN NGOẠI HẠNG CÓ
DẤU HIỆU CỦA TÁC GIẢ: 6 BẢN IM-
PÉRIAL ANNAM VÀ 10 BẢN DÓ LỤA

BẢN 